

**THỜI KHÓA BIỂU LÝ THUYẾT (dạng danh sách)**  
**CHƯƠNG TRÌNH CHUẨN VÀ CỬ NHÂN TÀI NĂNG, HỌC KỲ 2/ 2024 - 2025**

**Thời gian học: 15 tuần. Bắt đầu từ ngày 24/02/2025, kết thúc 15/06/2025**

Tuần lễ 21/04 --> 27/04: nghỉ học cho SV thi lý thuyết giữa kỳ.

**Địa điểm học:** Cơ sở Nguyễn Văn Cừ (cs1), Cơ sở Linh Trung (cs2), Nhà điều hành (NDH)

| Giờ BD - Giờ KT<br>(NVCừ) | Tiết<br>(NVCừ) | Tiết<br>(LTrung) | Giờ BD - Giờ KT<br>(LTrung) |
|---------------------------|----------------|------------------|-----------------------------|
| 07:00 - 07:50             | 1              |                  |                             |
| 07:50 - 08:40             | 2              | 1                | 07:30 - 08:20               |
| 08:40 - 09:30             | 3              | 2                | 08:20 - 09:10               |
| 09:40 - 10:30             | 4              | 3                | 09:10 - 10:00               |
| 10:30 - 11:20             | 5              | 4                | 10:10 - 11:00               |
| 11:20 - 12:10             | 6              | 5                | 11:00 - 11:50               |
| 12:50 - 13:40             | 7              | 6                | 12:40 - 13:30               |
| 13:40 - 14:30             | 8              | 7                | 13:30 - 14:20               |
| 14:30 - 15:20             | 9              | 8                | 14:20 - 15:10               |
| 15:30 - 16:20             | 10             | 9                | 15:20 - 16:10               |
| 16:20 - 17:10             | 11             | 10               | 16:10 - 17:00               |
| 17:10 - 18:00             | 12             |                  |                             |

| STT | Lớp       | Mã Lớp ĐĐT | Mã HP    | Tên HP                                        | GVLT                        | Trợ giảng | Lịch học | Phòng           | Cơ sở         | Số SV<br>đăng ký | Hủy |
|-----|-----------|------------|----------|-----------------------------------------------|-----------------------------|-----------|----------|-----------------|---------------|------------------|-----|
| 1   | CNTN2022  | 22TN       | CSC15003 | Mã hóa ứng dụng                               | Trần Minh Triết             |           | T3 4-6   | cs1:I71         | Nguyễn Văn Cừ | 31               |     |
| 2   | CNTN2022  | 22TN       | CSC13010 | Thiết kế phần mềm                             | Trần Minh Triết             |           | T4 1-3   | cs1:F110        | Nguyễn Văn Cừ | 35               |     |
| 3   | CNTN2022  | 22TN       | CSC14007 | Nhập môn phân tích độ phức tạp<br>thuật toán  | Trần Đan Thư,<br>Lê Phúc Lữ |           | T4 4-6   | cs1:F110        | Nguyễn Văn Cừ | 36               |     |
| 4   | CNTN2023  | 23TNT1TN   | CSC14008 | Phương pháp nghiên cứu khoa<br>học            | Vũ Hải Quân                 |           | T2 1-4   | cs2:F101 (CDIO) | Linh Trung    | 38               |     |
| 5   | CNTN2023  | 23TNT1TN   | MTH00051 | Toán ứng dụng và thống kê                     | Nguyễn Đình Thúc            |           | T3 3-5   | cs2:F101 (CDIO) | Linh Trung    | 38               |     |
| 6   | CNTN2023  | 23TNT1TN   | CSC10003 | Phương pháp lập trình hướng đối<br>tượng      | Nguyễn Minh Huy             |           | T3 6-9   | cs2:F101 (CDIO) | Linh Trung    | 38               |     |
| 7   | CNTN2023  | 23TNT1TN   | CSC10006 | Cơ sở dữ liệu                                 | Nguyễn Trần Minh Thư        |           | T4 1-4   | cs2:F101 (CDIO) | Linh Trung    | 39               |     |
| 8   | CNTN2023  | 23TNT1TN   | CSC10009 | Hệ thống máy tính                             | Phạm Tuấn Sơn               |           | T6 6-9   | cs2:F101 (CDIO) | Linh Trung    | 39               |     |
| 9   | CNTN2024  | 24TNT1TN   | CSC10004 | Cấu trúc dữ liệu và giải thuật                | Nguyễn Thanh Phương         |           | T4 1-4   | cs2:F102 (CDIO) | Linh Trung    | 43               |     |
| 10  | CNTN2024  | 24TNT1TN   | CSC10121 | Kỹ năng mềm                                   | Dương Nguyên Vũ             |           | T6 8-10  | cs1:F301        | Nguyễn Văn Cừ | 43               |     |
| 11  | CQ2021/1  | 21_1       | CSC10108 | Thực quan hóa dữ liệu                         | Tiết Gia Hồng               |           | T4 1-4   | cs2:NDH 7.7     | Linh Trung    | 34               |     |
| 12  | CQ2021/1  | 21_1       | CSC12108 | Ứng dụng phân tán                             | Nguyễn Trường Sơn           |           | T6 7-10  | cs2:F305        | Linh Trung    | 38               |     |
| 13  | CQ2021/1  | 21_1       | CSC12111 | Quản trị cơ sở dữ liệu hiện đại               | Nguyễn Trần Minh Thư        |           | T7 1-4   | cs2:F304        | Linh Trung    | 43               |     |
| 14  | CQ2021/21 | 21_21      | CSC14116 | Lập trình song song ứng dụng                  | Phạm Trọng Nghĩa            |           | T2 1-4   | cs2:E302A       | Linh Trung    | 16               |     |
| 15  | CQ2021/21 | 21_21      | CSC14115 | Khoa học dữ liệu ứng dụng                     | Lê Ngọc Thành               |           | T3 6-9   | cs2:E203        | Linh Trung    | 22               |     |
| 16  | CQ2021/21 | 21_21      | CSC14101 | Ẩn dữ liệu và chia sẻ thông tin               | Phạm Trọng Nghĩa            |           | T5 1-4   | cs2:G501        | Linh Trung    | 14               |     |
| 17  | CQ2021/22 | 21_22      | CSC15201 | Đồ án Mã hóa ứng dụng và an<br>ninh thông tin | Nguyễn Đình Thúc            |           | T3 1-2   | cs2:D211        | Linh Trung    | 10               |     |
| 18  | CQ2021/22 | 21_22      | CSC15106 | Seminar Công nghệ trí thức                    | Ngô Minh Nhật               |           | T7 6-9   | cs2:F304        | Linh Trung    | 17               |     |

| STT | Lớp       | Mã Lớp PDT | Mã HP    | Tên HP                                              | GVLT                                  | Trợ giảng | Lịch học | Phòng       | Cơ sở      | Số SV<br>đăng ký | Hủy |
|-----|-----------|------------|----------|-----------------------------------------------------|---------------------------------------|-----------|----------|-------------|------------|------------------|-----|
| 19  | CQ2021/23 | 21_23      | CSC16111 | Chuyên đề Thị giác máy tính                         | Phạm Minh Hoàng                       |           | T6 1-4   | cs2:G501    | Linh Trung | 5                |     |
| 20  | CQ2021/3  | 21_3       | CSC13106 | Kiến trúc phần mềm                                  | Ngô Huy Biên                          |           | T2 7-10  | cs2:F304    | Linh Trung | 16               |     |
| 21  | CQ2021/3  | 21_3       | CSC13115 | Các công nghệ mới trong phát triển phần mềm         | Trần Văn Quý                          |           | T5 1-4   | cs2:G304    | Linh Trung | 49               |     |
| 22  | CQ2021/3  | 21_3       | CSC13114 | Phát triển ứng dụng web nâng cao                    | Ngô Ngọc Đăng Khoa                    |           | T6 1-4   | cs2:F307    | Linh Trung | 15               |     |
| 23  | CQ2021/3  | 21_3       | CSC13116 | Đồ án Công nghệ phần mềm                            | Ngô Huy Biên                          |           | T6 7-10  | cs2:F307    | Linh Trung | 33               |     |
| 24  | CQ2022/1  | 22_1       | CSC12001 | An toàn và bảo mật dữ liệu trong hệ thống thông tin | Lương Vĩ Minh,<br>Phạm Thị Bạch Huệ   |           | T2 2-5   | cs2:F305    | Linh Trung | 85               |     |
| 25  | CQ2022/1  | 22_1       | CSC14003 | Cơ sở trí tuệ nhân tạo                              | Nguyễn Ngọc Đức                       |           | T3 6-9   | cs2:G502    | Linh Trung | 78               |     |
| 26  | CQ2022/1  | 22_1       | CSC12103 | Chuyên đề Hệ quản trị cơ sở dữ liệu nâng cao        | Tuấn Nguyễn Hoài Đức                  |           | T5 3-5   | cs2:F107    | Linh Trung | 26               |     |
| 27  | CQ2022/1  | 22_1       | CSC17106 | Xử lý phân tích dữ liệu trực tuyến                  | Nguyễn Trần Minh Thư                  |           | T6 1-4   | cs2:F305    | Linh Trung | 25               |     |
| 28  | CQ2022/1  | 22_1       | CSC12004 | Phân tích thiết kế hệ thống thông tin               | Lê Nguyễn Hoài Nam                    |           | T7 1-4   | cs2:F305    | Linh Trung | 85               |     |
| 29  | CQ2022/21 | 22_21      | CSC13002 | Nhập môn công nghệ phần mềm                         | Nguyễn Thị Minh Tuyền                 |           | T2 1-4   | cs2:F304    | Linh Trung | 52               |     |
| 30  | CQ2022/21 | 22_21      | CSC14004 | Khai thác dữ liệu và ứng dụng                       | Lê Hoài Bắc                           |           | T3 1-4   | cs2:F106    | Linh Trung | 57               |     |
| 31  | CQ2022/21 | 22_21      | CSC14006 | Nhận dạng                                           | Lê Hoàng Thái                         |           | T3 6-9   | cs2:E105    | Linh Trung | 37               |     |
| 32  | CQ2022/21 | 22_21      | CSC14005 | Nhập môn học máy                                    | Bùi Tiến Lên                          |           | T4 1-4   | cs2:NDH 6.7 | Linh Trung | 78               |     |
| 33  | CQ2022/21 | 22_21      | CSC14118 | Nhập môn dữ liệu lớn                                | Nguyễn Ngọc Thảo                      |           | T6 6-9   | cs2:F304    | Linh Trung | 70               |     |
| 34  | CQ2022/22 | 22_22      | CSC15003 | Mã hóa ứng dụng                                     | Trần Minh Triết,<br>Trương Toàn Thịnh |           | T4 6-9   | cs2:NDH 6.7 | Linh Trung | 66               |     |
| 35  | CQ2022/22 | 22_22      | CSC15002 | Bảo mật cơ sở dữ liệu                               | Nguyễn Đình Thúc                      |           | T5 3-5   | cs2:E104    | Linh Trung | 57               |     |
| 36  | CQ2022/22 | 22_22      | CSC15007 | Thống kê máy tính và ứng dụng                       | Vũ Quốc Hoàng                         |           | T5 6-9   | cs2:F305    | Linh Trung | 60               |     |
| 37  | CQ2022/22 | 22_22      | CSC13002 | Nhập môn công nghệ phần mềm                         | Trần Duy Hoàng                        |           | T6 1-4   | cs2:G502    | Linh Trung | 66               |     |
| 38  | CQ2022/22 | 22_22      | CSC15004 | Học thống kê                                        | Ngô Minh Nhựt                         |           | T7 1-4   | cs2:F207    | Linh Trung | 53               |     |
| 39  | CQ2022/22 | 22_22      | CSC15107 | Phân tích dữ liệu bảo toàn tính riêng tư            | Lê Phúc Lữ,<br>Nguyễn Ngọc Toàn       |           | T7 6-9   | cs2:E305A   | Linh Trung | 22               |     |
| 40  | CQ2022/23 | 22_23      | CSC16003 | Phân tích thống kê dữ liệu nhiều biến               | Lý Quốc Ngọc                          |           | T2 1-4   | cs2:D212    | Linh Trung | 27               |     |
| 41  | CQ2022/23 | 22_23      | CSC16109 | Ứng dụng xử lý ảnh số và video số                   | Lý Quốc Ngọc                          |           | T3 1-4   | cs2:E203    | Linh Trung | 27               |     |
| 42  | CQ2022/23 | 22_23      | CSC16004 | Thị giác máy tính                                   | Võ Hoài Việt                          |           | T5 1-4   | cs2:F305    | Linh Trung | 34               |     |
| 43  | CQ2022/23 | 22_23      | CSC16101 | Đồ họa ứng dụng                                     | Phạm Thanh Tùng                       |           | T5 6-9   | cs2:G501    | Linh Trung | 14               |     |

| STT | Lớp       | Mã Lớp PDT | Mã HP    | Tên HP                                | GVLT                  | Trợ giảng | Lịch học | Phòng            | Cơ sở      | Số SV<br>đăng ký | Hủy |
|-----|-----------|------------|----------|---------------------------------------|-----------------------|-----------|----------|------------------|------------|------------------|-----|
| 44  | CQ2022/24 | 22_24      | CSC14005 | Nhập môn học máy                      | Bùi Duy Đăng          |           | T3 1-4   | cs2:F302         | Linh Trung | 70               |     |
| 45  | CQ2022/24 | 22_24      | CSC14004 | Khai thác dữ liệu và ứng dụng         | Lê Hoài Bắc           |           | T5 1-4   | cs2:D106         | Linh Trung | 44               |     |
| 46  | CQ2022/24 | 22_24      | CSC10108 | Trực quan hóa dữ liệu                 | Bùi Tiến Lên          |           | T7 1-4   | cs2:E105         | Linh Trung | 48               |     |
| 47  | CQ2022/24 | 22_24      | CSC17001 | Phân tích dữ liệu thông minh          | Nguyễn Tiến Huy       |           | T7 6-9   | cs2:F305         | Linh Trung | 70               |     |
| 48  | CQ2022/3  | 22_3       | CSC13005 | Phân tích và quản lý yêu cầu phần mềm | Trương Phước Lộc      |           | T2 6-9   | cs2:E104         | Linh Trung | 66               |     |
| 49  | CQ2022/3  | 22_3       | CSC14003 | Cơ sở trí tuệ nhân tạo                | Bùi Duy Đăng          |           | T3 6-9   | cs2:F302         | Linh Trung | 80               |     |
| 50  | CQ2022/3  | 22_3       | CSC13010 | Thiết kế phần mềm                     | Trần Duy Thảo         |           | T7 6-9   | cs2:E105         | Linh Trung | 77               |     |
| 51  | CQ2022/31 | 22_31      | CSC13005 | Phân tích và quản lý yêu cầu phần mềm | Trương Phước Lộc      |           | T2 1-4   | cs2:E104         | Linh Trung | 51               |     |
| 52  | CQ2022/31 | 22_31      | CSC13010 | Thiết kế phần mềm                     | Trần Văn Quý          |           | T4 6-9   | cs2:NDH 7.7      | Linh Trung | 75               |     |
| 53  | CQ2022/4  | 22_4       | CSC11006 | Nhập môn điện toán đám mây            | Lê Ngọc Sơn           |           | T3 2-5   | cs2:E301B        | Linh Trung | 51               |     |
| 54  | CQ2022/4  | 22_4       | CSC11007 | Nhập môn DevOps                       | Nguyễn Thanh Quân     |           | T6 1-4   | cs2:D106         | Linh Trung | 76               |     |
| 55  | CQ2022/4  | 22_4       | CSC11002 | Hệ thống viễn thông                   | Huỳnh Thụy Bảo Trân   |           | T7 1-4   | cs2:E104         | Linh Trung | 14               |     |
| 56  | CQ2022/4  | 22_4       | CSC11003 | Lập trình mạng                        | Nguyễn Thanh Quân     |           | T7 6-9   | cs2:F308         | Linh Trung | 22               |     |
| 57  | CQ2022/5  | 22_5       | CSC10104 | Quy hoạch tuyến tính                  | Lê Phúc Lữ            |           | T2 1-4   | cs2:F106         | Linh Trung | 80               |     |
| 58  | CQ2022/5  | 22_5       | CSC10007 | Hệ điều hành                          | Thái Hùng Văn         |           | T5 1-4   | cs2:E304A        | Linh Trung | 43               |     |
| 59  | CQ2022/5  | 22_5       | CSC10102 | Kiến tập nghề nghiệp                  | Cao Xuân Nam          |           | T7 3-5   | cs2:Hội trường B | Linh Trung | 132              |     |
| 60  | CQ2023/1  | 23CTT1     | CSC10006 | Cơ sở dữ liệu                         | Nguyễn Ngọc Minh Châu |           | T5 1-4   | cs2:G302         | Linh Trung | 72               |     |
| 61  | CQ2023/1  | 23CTT1     | CSC10009 | Hệ thống máy tính                     | Lê Viết Long          |           | T5 6-9   | cs2:G302         | Linh Trung | 67               |     |
| 62  | CQ2023/1  | 23CTT1     | CSC10003 | Phương pháp lập trình hướng đối tượng | Trần Duy Hoàng        |           | T6 6-9   | cs2:G502         | Linh Trung | 74               |     |
| 63  | CQ2023/1  | 23CTT1     | MTH00051 | Toán ứng dụng và thống kê             | Nguyễn Hữu Toàn       |           | T7 1-4   | cs2:E203         | Linh Trung | 75               |     |
| 64  | CQ2023/2  | 23CTT2     | CSC10009 | Hệ thống máy tính                     | Lê Viết Long          |           | T2 6-9   | cs2:G202         | Linh Trung | 72               |     |
| 65  | CQ2023/2  | 23CTT2     | CSC10006 | Cơ sở dữ liệu                         | Hồ Thị Hoàng Vy       |           | T4 1-4   | cs2:F205         | Linh Trung | 69               |     |
| 66  | CQ2023/2  | 23CTT2     | CSC10003 | Phương pháp lập trình hướng đối tượng | Lê Khánh Duy          |           | T5 6-9   | cs2:G502         | Linh Trung | 63               |     |
| 67  | CQ2023/2  | 23CTT2     | MTH00051 | Toán ứng dụng và thống kê             | Trần Hà Sơn           |           | T6 1-4   | cs2:F304         | Linh Trung | 75               |     |
| 68  | CQ2023/3  | 23CTT3     | CSC10003 | Phương pháp lập trình hướng đối tượng | Trần Duy Quang        |           | T4 1-4   | cs2:G502         | Linh Trung | 72               |     |

| STT | Lớp      | Mã Lớp PDT | Mã HP    | Tên HP                                           | GVLT                 | Trợ giảng | Lịch học | Phòng           | Cơ sở      | Số SV<br>đăng ký | Hủy |
|-----|----------|------------|----------|--------------------------------------------------|----------------------|-----------|----------|-----------------|------------|------------------|-----|
| 69  | CQ2023/3 | 23CTT3     | MTH00052 | Phương pháp tính                                 | Vũ Đỗ Huy Cường      |           | T5 1-4   | cs2:F307        | Linh Trung | 74               |     |
| 70  | CQ2023/3 | 23CTT3     | CSC10006 | Cơ sở dữ liệu                                    | Hồ Thị Hoàng Vy      |           | T6 1-4   | cs2:G302        | Linh Trung | 74               |     |
| 71  | CQ2023/3 | 23CTT3     | CSC10009 | Hệ thống máy tính                                | Lê Quốc Hòa          |           | T7 1-4   | cs2:G302        | Linh Trung | 73               |     |
| 72  | CQ2023/4 | 23CTT4     | CSC10009 | Hệ thống máy tính                                | Nguyễn Hồng Bửu Long |           | T2 1-4   | cs2:G202        | Linh Trung | 72               |     |
| 73  | CQ2023/4 | 23CTT4     | MTH00052 | Phương pháp tính                                 | Vũ Đỗ Huy Cường      |           | T5 6-9   | cs2:E104        | Linh Trung | 73               |     |
| 74  | CQ2023/4 | 23CTT4     | CSC10006 | Cơ sở dữ liệu                                    | Lương Hán Cơ         |           | T6 6-9   | cs2:G302        | Linh Trung | 71               |     |
| 75  | CQ2023/4 | 23CTT4     | CSC10003 | Phương pháp lập trình hướng đối tượng            | Hồ Tuấn Thanh        |           | T7 6-9   | cs2:G302        | Linh Trung | 72               |     |
| 76  | CQ2023/5 | 23CTT5     | CSC10006 | Cơ sở dữ liệu                                    | Phạm Thị Bạch Huệ    |           | T2 6-9   | cs2:F302        | Linh Trung | 71               |     |
| 77  | CQ2023/5 | 23CTT5     | MTH00053 | Lý thuyết số                                     | Nguyễn Văn Thìn      |           | T3 6-9   | cs2:F106        | Linh Trung | 74               |     |
| 78  | CQ2023/5 | 23CTT5     | CSC10003 | Phương pháp lập trình hướng đối tượng            | Phạm Nguyễn Sơn Tùng |           | T5 1-4   | cs2:G502        | Linh Trung | 75               |     |
| 79  | CQ2023/5 | 23CTT5     | CSC10009 | Hệ thống máy tính                                | Phạm Tuấn Sơn        |           | T7 6-9   | cs2:G202        | Linh Trung | 72               |     |
| 80  | CQ2023/6 | 23CTT6     | CSC10001 | Nhập môn lập trình                               | Đậu Ngọc Hà Dương    |           | T4 6-9   | cs2:NGH 8.7     | Linh Trung | 78               |     |
| 81  | CQ2023/6 | 23CTT6     | CSC13102 | Lập trình ứng dụng Java                          | Nguyễn Văn Khiết     |           | T5 6-9   | cs2:F307        | Linh Trung | 51               |     |
| 82  | CQ2023/6 | 23CTT6     | CSC10002 | Kỹ thuật lập trình                               | Phạm Minh Tuấn       |           | T7 1-4   | cs2:G202        | Linh Trung | 47               |     |
| 83  | CQ2023/6 | 23CTT6     | CSC10008 | Mạng máy tính                                    | Huỳnh Thụy Bảo Trân  |           | T7 6-9   | cs2:E104        | Linh Trung |                  |     |
| 84  | CQ2024/1 | 24CTT1     | CSC10004 | Cấu trúc dữ liệu và giải thuật                   | Lê Hoàng Thái        |           | T4 1-4   | cs2:E202        | Linh Trung | 79               |     |
| 85  | CQ2024/2 | 24CTT2     | CSC10004 | Cấu trúc dữ liệu và giải thuật                   | Bùi Tiến Lên         |           | T4 6-9   | cs2:D106        | Linh Trung | 80               |     |
| 86  | CQ2024/3 | 24CTT3     | CSC10004 | Cấu trúc dữ liệu và giải thuật                   | Bùi Văn Thạch        |           | T2 6-9   | cs2:F301        | Linh Trung | 74               |     |
| 87  | CQ2024/4 | 24CTT4     | CSC10004 | Cấu trúc dữ liệu và giải thuật                   | Văn Chí Nam          |           | T6 1-4   | cs2:D212        | Linh Trung | 79               |     |
| 88  | CQ2024/5 | 24CTT5     | CSC10004 | Cấu trúc dữ liệu và giải thuật                   | Cao Xuân Nam         |           | T5 6-9   | cs2:E106        | Linh Trung | 80               |     |
| 89  | CQ2024/6 | 24CTT6     | CSC10004 | Cấu trúc dữ liệu và giải thuật                   | Nguyễn Ngọc Đức      |           | T2 1-4   | cs2:E202        | Linh Trung | 75               |     |
| 90  | CQ2024/7 | 24CTT7     | CSC10012 | Cơ sở lập trình                                  | Trương Toàn Thịnh    |           | T6 6-9   | cs2:E302        | Linh Trung |                  |     |
| 91  | TTNT2022 | 22TNT      | CSC10011 | Công nghệ phần mềm cho hệ thống trí tuệ nhân tạo | Nguyễn Văn Vũ        |           | T5 1-4   | cs2:F207        | Linh Trung | 32               |     |
| 92  | TTNT2023 | 23TNT      | MTH00056 | Phương pháp toán cho trí tuệ nhân tạo            | Cần Trần Thành Trung |           | T3 2-5   | cs2:G502        | Linh Trung | 52               |     |
| 93  | TTNT2023 | 23TNT      | CSC10003 | Phương pháp lập trình hướng đối tượng            | Nguyễn Văn Khiết     |           | T4 6-9   | cs2:F102 (CDIO) | Linh Trung | 52               |     |

| STT | Lớp      | Mã Lớp PDT | Mã HP    | Tên HP                         | GVLТ              | Trợ giảng | Lịch học | Phòng    | Cơ sở      | Số SV<br>đăng ký | Hủy |
|-----|----------|------------|----------|--------------------------------|-------------------|-----------|----------|----------|------------|------------------|-----|
| 94  | TTNT2023 | 23TNT      | CSC10006 | Cơ sở dữ liệu                  | Phạm Nguyễn Cường |           | T7 1-4   | cs2:G201 | Linh Trung | 53               |     |
| 95  | TTNT2023 | 23TNT      | CSC10009 | Hệ thống máy tính              | Vũ Thị Mỹ Hằng    |           | T7 6-9   | cs2:G201 | Linh Trung | 52               |     |
| 96  | TTNT2024 | 24TNT1     | CSC10004 | Cấu trúc dữ liệu và giải thuật | Lê Ngọc Thành     |           | T3 1-4   | cs2:F308 | Linh Trung | 52               |     |

## DANH SÁCH LỚP HỦY HỌC KỲ 2, NĂM HỌC 2024-2025

| STT | Lớp       | Mã Lớp PDT | Mã HP    | Tên HP                                                  | Lịch học | Cơ sở         | Số SV | Ghi chú |
|-----|-----------|------------|----------|---------------------------------------------------------|----------|---------------|-------|---------|
| 26  | CNTN2022  | 22TN       | CSC13008 | Phát triển ứng dụng web                                 | T5 4-6   | Nguyễn Văn Cừ | 8     |         |
| 22  | CNTN2022  | 22TN       | CSC14004 | Khai thác dữ liệu và ứng dụng                           | T2 4-6   | Nguyễn Văn Cừ | 0     |         |
| 23  | CNTN2022  | 22TN       | CSC15004 | Học thống kê                                            | T3 1-3   | Nguyễn Văn Cừ | 0     |         |
| 24  | CNTN2022  | 22TN       | CSC15107 | Phân tích dữ liệu bảo toàn tính riêng tư                | T2 7-9   | Nguyễn Văn Cừ | 1     |         |
| 25  | CNTN2022  | 22TN       | CSC16004 | Thị giác máy tính                                       | T3 7-9   | Nguyễn Văn Cừ | 3     |         |
| 1   | CQ2021/1  | 21_1       | CSC17101 | Hệ thống tư vấn                                         | T7 6-9   | Linh Trung    | 3     |         |
| 2   | CQ2021/21 | 21_21      | CSC14002 | Các hệ cơ sở tri thức                                   | T3 1-4   | Linh Trung    | 1     |         |
| 4   | CQ2021/21 | 21_21      | CSC14105 | Khoa học về web                                         | T2 6-9   | Linh Trung    | 10    |         |
| 3   | CQ2021/21 | 21_21      | CSC14113 | Trình biên dịch                                         | T6 6-9   | Linh Trung    | 1     |         |
| 5   | CQ2021/22 | 21_22      | CSC15202 | Đồ án tốt nghiệp hướng ứng dụng xử lý ngôn ngữ tự nhiên | T2 6-9   | Linh Trung    | 0     |         |
| 6   | CQ2021/23 | 21_23      | CSC16105 | Truy vấn thông tin thị giác                             | T3 1-4   | Linh Trung    | 0     |         |
| 7   | CQ2021/23 | 21_23      | CSC16110 | Chuyên đề Đồ họa máy tính                               | T3 6-9   | Linh Trung    | 3     |         |
| 8   | CQ2021/23 | 21_23      | CSC16112 | Chuyên đề Xử lý ảnh số và video số                      | T5 1-4   | Linh Trung    | 4     |         |
| 9   | CQ2021/3  | 21_3       | CSC13101 | Các chủ đề nâng cao trong Công nghệ phần mềm            | T5 6-9   | Linh Trung    | 5     |         |
| 11  | CQ2021/4  | 21_4       | CSC11107 | Truyền thông kỹ thuật số                                | T4 1-4   | Linh Trung    | 0     |         |
| 12  | CQ2021/4  | 21_4       | CSC11111 | Chuyên đề tốt nghiệp Mạng máy tính                      | T3 6-9   | Linh Trung    | 2     |         |

| STT | Lớp       | Mã Lớp PDT | Mã HP    | Tên HP                                              | Lịch học | Cơ sở      | Số SV | Ghi chú |
|-----|-----------|------------|----------|-----------------------------------------------------|----------|------------|-------|---------|
| 10  | CQ2021/4  | 21_4       | CSC11113 | Quản trị dịch vụ mạng                               | T7 6-9   | Linh Trung | 0     |         |
| 16  | CQ2022/1  | 22_1       | CSC12105 | Thương mại điện tử                                  | T2 6-9   | Linh Trung | 5     |         |
| 17  | CQ2022/21 | 22_21      | CSC14001 | Automata và ngôn ngữ hình thức                      | T5 1-4   | Linh Trung | 3     |         |
| 18  | CQ2022/21 | 22_21      | CSC14008 | Phương pháp nghiên cứu khoa học                     | T4 6-9   | Linh Trung | 8     |         |
| 20  | CQ2022/22 | 22_22      | CSC15012 | Ứng dụng xử lý ngôn ngữ tự nhiên trong doanh nghiệp | T4 1-4   | Linh Trung | 6     |         |
| 19  | CQ2022/22 | 22_22      | CSC15105 | Khai thác dữ liệu văn bản và ứng dụng               | T2 1-4   | Linh Trung | 1     |         |
| 21  | CQ2022/22 | 22_22      | CSC15108 | Pháp chứng cho dữ liệu số                           | T2 6-9   | Linh Trung | 8     |         |
| 15  | TTNT2021  | 21TNT      | CSC18102 | Phương pháp toán cho tối ưu                         | T2 1-4   | Linh Trung | 2     |         |
| 13  | TTNT2021  | 21TNT      | CSC18103 | Trí tuệ bầy đàn                                     | T3 1-4   | Linh Trung | 0     |         |
| 14  | TTNT2021  | 21TNT      | CSC18104 | Nhập môn hệ thống đa tác nhân                       | T5 6-9   | Linh Trung | 0     |         |

## THỜI KHÓA BIỂU LỚP CQ2021

### HỌC KỲ 2, NĂM HỌC 2024 - 2025

| Giờ BD - Giờ KT | Tiết | Thứ 2 | Thứ 3 | Thứ 4 | Thứ 5 | Thứ 6 | Thứ 7 |
|-----------------|------|-------|-------|-------|-------|-------|-------|
| 07:00 - 07:50   | 1    |       |       |       |       |       |       |
| 07:50 - 08:40   | 2    |       |       |       |       |       |       |
| 08:40 - 09:30   | 3    |       |       |       |       |       |       |
| 09:40 - 10:30   | 4    |       |       |       |       |       |       |
| 10:30 - 11:20   | 5    |       |       |       |       |       |       |
| 11:20 - 12:10   | 6    |       |       |       |       |       |       |
| 12:50 - 13:40   | 7    |       |       |       |       |       |       |
| 13:40 - 14:30   | 8    |       |       |       |       |       |       |
| 14:30 - 15:20   | 9    |       |       |       |       |       |       |
| 15:30 - 16:20   | 10   |       |       |       |       |       |       |
| 16:20 - 17:10   | 11   |       |       |       |       |       |       |
| 17:10 - 18:00   | 12   |       |       |       |       |       |       |

| MÃ HP    | TÊN HỌC PHẦN              | SỐ TIẾT       | GIẢNG VIÊN LÝ THUYẾT | TRỢ GIẢNG | LOẠI HỌC PHẦN    |
|----------|---------------------------|---------------|----------------------|-----------|------------------|
| CSC10204 | Thực tập dự án tốt nghiệp | 0 LT + 180 TH |                      |           | Tốt nghiệp chung |
| CSC10251 | Khóa luận tốt nghiệp      | 0 LT + 300 TH |                      |           | Tốt nghiệp chung |
| CSC10252 | Thực tập tốt nghiệp       | 0 LT + 300 TH |                      |           | Tốt nghiệp chung |

Ghi chú : môn mở cho sinh viên tất cả ngành/ chuyên ngành (trừ Cử nhân tài năng)

**THỜI KHÓA BIỂU LỚP TTNT2021**  
**HỌC KỲ 2, NĂM HỌC 2024 - 2025**  
**Thời gian học LT: từ 24/02/2025 đến 15/06/2025**  
**Cơ sở: Linh Trung**

| Giờ BD - Giờ KT | Tiết | Thứ 2                                                                    | Thứ 3                                                                 | Thứ 4 | Thứ 5                                                                   | Thứ 6 | Thứ 7 |
|-----------------|------|--------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------|-------|-------------------------------------------------------------------------|-------|-------|
| 07:30 - 08:20   | 1    | <div> <div>PP Toán cho tối ưu</div> <div>SV</div> <div>cs2:</div> </div> | <div> <div>Trí tuệ bày đàn</div> <div>SV</div> <div>cs2:</div> </div> |       |                                                                         |       |       |
| 08:20 - 09:10   | 2    |                                                                          |                                                                       |       |                                                                         |       |       |
| 09:10 - 10:00   | 3    |                                                                          |                                                                       |       |                                                                         |       |       |
| 10:10 - 11:00   | 4    |                                                                          |                                                                       |       |                                                                         |       |       |
| 11:00 - 11:50   | 5    |                                                                          |                                                                       |       |                                                                         |       |       |
| 12:40 - 13:30   | 6    |                                                                          |                                                                       |       | <div> <div>NM HT Đa tác nhân</div> <div>SV</div> <div>cs2:</div> </div> |       |       |
| 13:30 - 14:20   | 7    |                                                                          |                                                                       |       |                                                                         |       |       |
| 14:30 - 15:20   | 8    |                                                                          |                                                                       |       |                                                                         |       |       |
| 15:20 - 16:10   | 9    |                                                                          |                                                                       |       |                                                                         |       |       |
| 16:10 - 17:00   | 10   |                                                                          |                                                                       |       |                                                                         |       |       |

| MÃ HP    | TÊN HỌC PHẦN                  | SỐ TIẾT       | GIẢNG VIÊN LÝ THUYẾT  | TRỢ GIẢNG | LOẠI HỌC PHẦN |
|----------|-------------------------------|---------------|-----------------------|-----------|---------------|
| CSC18102 | Phương pháp toán cho tối ưu   | 45 LT + 30 TH |                       |           |               |
| CSC18103 | Trí tuệ bày đàn               | 45 LT + 30 TH |                       |           |               |
| CSC18104 | Nhập môn hệ thống đa tác nhân | 45 LT + 30 TH |                       |           |               |
| CSC17001 | Phân tích dữ liệu thông minh  | 45 LT + 30 TH | (Học chung CQ2022/24) |           |               |

# THỜI KHÓA BIỂU LỚP CNTN2021

HỌC KỲ 2, NĂM HỌC 2024 - 2025

*Cơ sở: Nguyễn Văn Cừ*

| Giờ BD - Giờ KT | Tiết | Thứ 2 | Thứ 3 | Thứ 4 | Thứ 5 | Thứ 6 | Thứ 7 |
|-----------------|------|-------|-------|-------|-------|-------|-------|
| 07:00 - 07:50   | 1    |       |       |       |       |       |       |
| 07:50 - 08:40   | 2    |       |       |       |       |       |       |
| 08:40 - 09:30   | 3    |       |       |       |       |       |       |
| 09:40 - 10:30   | 4    |       |       |       |       |       |       |
| 10:30 - 11:20   | 5    |       |       |       |       |       |       |
| 11:20 - 12:10   | 6    |       |       |       |       |       |       |
| 12:50 - 13:40   | 7    |       |       |       |       |       |       |
| 13:40 - 14:30   | 8    |       |       |       |       |       |       |
| 14:30 - 15:20   | 9    |       |       |       |       |       |       |
| 15:30 - 16:20   | 10   |       |       |       |       |       |       |
| 16:20 - 17:10   | 11   |       |       |       |       |       |       |
| 17:10 - 18:00   | 12   |       |       |       |       |       |       |

| MÃ HP    | TÊN HỌC PHẦN         | SỐ TIẾT       | GIẢNG VIÊN LÝ THUYẾT | TRỢ GIẢNG | LOẠI HỌC PHẦN    |
|----------|----------------------|---------------|----------------------|-----------|------------------|
| CSC10251 | Khóa luận tốt nghiệp | 0 LT + 300 TH |                      |           | Tốt nghiệp chung |

**THỜI KHÓA BIỂU LỚP CQ2021/1**  
**HỌC KỲ 2, NĂM HỌC 2024 - 2025**  
**Thời gian học LT: từ 24/02/2025 đến 15/06/2025**  
**Cơ sở: Linh Trung**

| Giờ BD - Giờ KT | Tiết | Thứ 2 | Thứ 3 | Thứ 4                                   | Thứ 5 | Thứ 6                                 | Thứ 7                                  |
|-----------------|------|-------|-------|-----------------------------------------|-------|---------------------------------------|----------------------------------------|
| 07:30 - 08:20   | 1    |       |       | Trực quan hóa DL<br>34SV<br>cs2:NĐH 7.7 |       |                                       | QTrị CSDL hiện đại<br>43SV<br>cs2:F304 |
| 08:20 - 09:10   | 2    |       |       |                                         |       |                                       |                                        |
| 09:10 - 10:00   | 3    |       |       |                                         |       |                                       |                                        |
| 10:10 - 11:00   | 4    |       |       |                                         |       |                                       |                                        |
| 11:00 - 11:50   | 5    |       |       |                                         |       |                                       |                                        |
| 12:40 - 13:30   | 6    |       |       |                                         |       | Ứng dụng phân tán<br>38SV<br>cs2:F305 | Hệ thống tư vấn<br>SV<br>cs2:          |
| 13:30 - 14:20   | 7    |       |       |                                         |       |                                       |                                        |
| 14:30 - 15:20   | 8    |       |       |                                         |       |                                       |                                        |
| 15:20 - 16:10   | 9    |       |       |                                         |       |                                       |                                        |
| 16:10 - 17:00   | 10   |       |       |                                         |       |                                       |                                        |
|                 |      |       |       |                                         |       |                                       |                                        |

| MÃ HP    | TÊN HỌC PHẦN                    | SỐ TIẾT       | GIẢNG VIÊN LÝ THUYẾT | TRỢ GIẢNG | LOẠI HỌC PHẦN |
|----------|---------------------------------|---------------|----------------------|-----------|---------------|
| BAA00003 | Tư tưởng Hồ Chí Minh            | 30 LT + 0 TH  |                      |           |               |
| CSC12108 | Ứng dụng phân tán               | 45 LT + 30 TH | Nguyễn Trường Sơn    |           |               |
| CSC12111 | Quản trị cơ sở dữ liệu hiện đại | 45 LT + 30 TH | Nguyễn Trần Minh Thư |           |               |
| CSC10108 | Trực quan hóa dữ liệu           | 45 LT + 30 TH | Tiết Gia Hồng        |           |               |
| CSC17101 | Hệ thống tư vấn                 | 45 LT + 30 TH |                      |           |               |

**THỜI KHÓA BIỂU LỚP CQ2021/21**  
**HỌC KỲ 2, NĂM HỌC 2024 - 2025**  
**Thời gian học LT: từ 24/02/2025 đến 15/06/2025**  
**Cơ sở: Linh Trung**

| Giờ BD - Giờ KT | Tiết | Thứ 2                                | Thứ 3                             | Thứ 4 | Thứ 5                                   | Thứ 6                         | Thứ 7 |
|-----------------|------|--------------------------------------|-----------------------------------|-------|-----------------------------------------|-------------------------------|-------|
| 07:30 - 08:20   | 1    | LT song song ỨD<br>16SV<br>cs2:E302A | Các hệ CS tri thức<br>SV<br>cs2:  |       | Ăn DL và chia sẻ TT<br>14SV<br>cs2:G501 |                               |       |
| 08:20 - 09:10   | 2    |                                      |                                   |       |                                         |                               |       |
| 09:10 - 10:00   | 3    |                                      |                                   |       |                                         |                               |       |
| 10:10 - 11:00   | 4    |                                      |                                   |       |                                         |                               |       |
| 11:00 - 11:50   | 5    |                                      |                                   |       |                                         |                               |       |
| 12:40 - 13:30   | 6    | Khóa học về web<br>SV<br>cs2:        | KHDL ứng dụng<br>22SV<br>cs2:E203 |       |                                         | Trình biên dịch<br>SV<br>cs2: |       |
| 13:30 - 14:20   | 7    |                                      |                                   |       |                                         |                               |       |
| 14:20 - 15:10   | 8    |                                      |                                   |       |                                         |                               |       |
| 15:20 - 16:10   | 9    |                                      |                                   |       |                                         |                               |       |
| 16:10 - 17:00   | 10   |                                      |                                   |       |                                         |                               |       |

| MÃ HP    | TÊN HỌC PHẦN                    | SỐ TIẾT       | GIẢNG VIÊN LÝ THUYẾT | TRỢ GIẢNG | LOẠI HỌC PHẦN |
|----------|---------------------------------|---------------|----------------------|-----------|---------------|
| CSC14115 | Khoa học dữ liệu ứng dụng       | 45 LT + 30 TH | Lê Ngọc Thành        |           |               |
| CSC14116 | Lập trình song song ứng dụng    | 45 LT + 30 TH | Phạm Trọng Nghĩa     |           |               |
| CSC14002 | Các hệ cơ sở tri thức           | 45 LT + 30 TH |                      |           |               |
| CSC14105 | Khoa học về web                 | 45 LT + 30 TH |                      |           |               |
| CSC14101 | Ăn dữ liệu và chia sẻ thông tin | 45 LT + 30 TH | Phạm Trọng Nghĩa     |           |               |
| CSC14113 | Trình biên dịch                 | 45 LT + 30 TH |                      |           |               |
| CSC17101 | Hệ thống tư vấn                 | 45 LT + 30 TH | (học chung 21_1)     |           |               |

# THỜI KHÓA BIỂU LỚP CQ2021/22

HỌC KỲ 2, NĂM HỌC 2024 - 2025

Thời gian học LT: từ 24/02/2025 đến 15/06/2025

Cơ sở: Linh Trung

| Giờ BD - Giờ KT | Tiết | Thứ 2                                            | Thứ 3                                     | Thứ 4 | Thứ 5 | Thứ 6 | Thứ 7                            |
|-----------------|------|--------------------------------------------------|-------------------------------------------|-------|-------|-------|----------------------------------|
|                 |      |                                                  |                                           |       |       |       |                                  |
| 07:30 - 08:20   | 1    |                                                  | Đ/Á Mã hóa ỨD và ANTT<br>10SV<br>cs2:D211 |       |       |       |                                  |
| 08:20 - 09:10   | 2    |                                                  |                                           |       |       |       |                                  |
| 09:10 - 10:00   | 3    |                                                  |                                           |       |       |       |                                  |
| 10:10 - 11:00   | 4    |                                                  |                                           |       |       |       |                                  |
| 11:00 - 11:50   | 5    |                                                  |                                           |       |       |       |                                  |
| 12:40 - 13:30   | 6    | <del>ĐATN hướng ỨD XL NNTN<br/>SV<br/>cs2:</del> |                                           |       |       |       | Seminar CNTT<br>17SV<br>cs2:F304 |
| 13:30 - 14:20   | 7    |                                                  |                                           |       |       |       |                                  |
| 14:20 - 15:10   | 8    |                                                  |                                           |       |       |       |                                  |
| 15:20 - 16:10   | 9    |                                                  |                                           |       |       |       |                                  |
| 16:10 - 17:00   | 10   |                                                  |                                           |       |       |       |                                  |
|                 |      |                                                  |                                           |       |       |       |                                  |

| MÃ HP    | TÊN HỌC PHẦN                                            | SỐ TIẾT       | GIẢNG VIÊN LÝ THUYẾT | TRỢ GIẢNG | LOẠI HỌC PHẦN               |
|----------|---------------------------------------------------------|---------------|----------------------|-----------|-----------------------------|
| CSC15201 | Đồ án Mã hóa ứng dụng và an ninh thông tin              | 0 LT + 180 TH | Nguyễn Đình Thúc     |           | Tốt nghiệp CNgành CNTT,ATTT |
| CSC15106 | Seminar Công nghệ tri thức                              | 45 LT + 30 TH | Ngô Minh Nhựt        |           | Tốt nghiệp CNgành CNTT      |
| CSC15202 | Đồ án tốt nghiệp hướng ứng dụng xử lý ngôn ngữ tự nhiên | 0 LT + 180 TH |                      |           |                             |

# THỜI KHÓA BIỂU LỚP CQ2021/23

HỌC KỲ 2, NĂM HỌC 2024 - 2025

Thời gian học LT: từ 24/02/2025 đến 15/06/2025

Cơ sở: Linh Trung

| Giờ BD - Giờ KT | Tiết | Thứ 2 | Thứ 3                              | Thứ 4 | Thứ 5                         | Thứ 6                                | Thứ 7 |
|-----------------|------|-------|------------------------------------|-------|-------------------------------|--------------------------------------|-------|
|                 |      |       |                                    |       |                               |                                      |       |
| 07:30 - 08:20   | 1    |       | Truy vấn TT thị giác<br>SV<br>cs2: |       | CĐE XLý AS & VS<br>SV<br>cs2: | CĐE Thị giác máy tính<br>6SV<br>cs2: |       |
| 08:20 - 09:10   | 2    |       |                                    |       |                               |                                      |       |
| 09:10 - 10:00   | 3    |       |                                    |       |                               |                                      |       |
| 10:10 - 11:00   | 4    |       |                                    |       |                               |                                      |       |
| 11:00 - 11:50   | 5    |       |                                    |       |                               |                                      |       |
| 12:40 - 13:30   | 6    |       | CĐE Đồ họa máy tính<br>SV<br>cs2:  |       |                               |                                      |       |
| 13:30 - 14:20   | 7    |       |                                    |       |                               |                                      |       |
| 14:20 - 15:10   | 8    |       |                                    |       |                               |                                      |       |
| 15:20 - 16:10   | 9    |       |                                    |       |                               |                                      |       |
| 16:10 - 17:00   | 10   |       |                                    |       |                               |                                      |       |
|                 |      |       |                                    |       |                               |                                      |       |

| MÃ HP    | TÊN HỌC PHẦN                       | SỐ TIẾT       | GIẢNG VIÊN LÝ THUYẾT | TRỢ GIẢNG | LOẠI HỌC PHẦN          |
|----------|------------------------------------|---------------|----------------------|-----------|------------------------|
| CSC16111 | Chuyên đề Thị giác máy tính        | 45 LT + 30 TH | Phạm Minh Hoàng      |           | Tốt nghiệp CNgành TGMT |
| CSC16110 | Chuyên đề Đồ họa máy tính          | 45 LT + 30 TH |                      |           |                        |
| CSC16112 | Chuyên đề Xử lý ảnh số và video-số | 45 LT + 30 TH |                      |           |                        |
| CSC16105 | Truy vấn thông tin thị giác        | 45 LT + 30 TH |                      |           |                        |

# THỜI KHÓA BIỂU LỚP CQ2021/3

HỌC KỲ 2, NĂM HỌC 2024 - 2025

Thời gian học LT: từ 24/02/2025 đến 15/06/2025

*Cơ sở: Linh Trung*

| Giờ BD - Giờ KT | Tiết | Thứ 2                                  | Thứ 3 | Thứ 4 | Thứ 5                                               | Thứ 6                                    | Thứ 7 |
|-----------------|------|----------------------------------------|-------|-------|-----------------------------------------------------|------------------------------------------|-------|
|                 |      |                                        |       |       |                                                     |                                          |       |
| 07:30 - 08:20   | 1    |                                        |       |       | Các CNM trong PTriển PM<br>49SV<br>cs2:G304         | Phát triển ƯD web NC<br>15SV<br>cs2:F307 |       |
| 08:20 - 09:10   | 2    |                                        |       |       |                                                     |                                          |       |
| 09:10 - 10:00   | 3    |                                        |       |       |                                                     |                                          |       |
| 10:10 - 11:00   | 4    |                                        |       |       |                                                     |                                          |       |
| 11:00 - 11:50   | 5    |                                        |       |       |                                                     |                                          |       |
| 12:40 - 13:30   | 6    |                                        |       |       | <div>Các chủ đề NC trong CNPM<br/>SV<br/>cs2:</div> | Đồ án CNPM<br>33SV<br>cs2:F307           |       |
| 13:30 - 14:20   | 7    | Kiến trúc phần mềm<br>16SV<br>cs2:F304 |       |       |                                                     |                                          |       |
| 14:20 - 15:10   | 8    |                                        |       |       |                                                     |                                          |       |
| 15:20 - 16:10   | 9    |                                        |       |       |                                                     |                                          |       |
| 16:10 - 17:00   | 10   |                                        |       |       |                                                     |                                          |       |
|                 |      |                                        |       |       |                                                     |                                          |       |

| MÃ HP    | TÊN HỌC PHẦN                                 | SỐ TIẾT       | GIẢNG VIÊN LÝ THUYẾT | TRỢ GIẢNG | LOẠI HỌC PHẦN |
|----------|----------------------------------------------|---------------|----------------------|-----------|---------------|
| CSC13114 | Phát triển ứng dụng web nâng cao             | 45 LT + 30 TH | Ngô Ngọc Đăng Khoa   |           |               |
| CSC13115 | Các công nghệ mới trong phát triển phần mềm  | 45 LT + 30 TH | Trần Văn Quý         |           |               |
| CSC13116 | Đồ án Công nghệ phần mềm                     | 45 LT + 30 TH | Ngô Huy Biên         |           |               |
| CSC13106 | Kiến trúc phần mềm                           | 45 LT + 30 TH | Ngô Huy Biên         |           |               |
| CSC13101 | Các chủ đề nâng cao trong Công nghệ phần mềm | 45 LT + 30 TH | Nguyễn Văn Vũ        |           |               |

THỜI KHÓA BIỂU LỚP CQ2021/4

HỌC KỲ 2, NĂM HỌC 2024 - 2025

Thời gian học LT: từ 24/02/2025 đến 15/06/2025

Cơ sở: Linh Trung

| Giờ BD - Giờ KT | Tiết | Thứ 2                           | Thứ 3 | Thứ 4                            | Thứ 5 | Thứ 6 | Thứ 7                          |
|-----------------|------|---------------------------------|-------|----------------------------------|-------|-------|--------------------------------|
|                 |      |                                 |       |                                  |       |       |                                |
| 07:30 - 08:20   | 1    |                                 |       | TThông kỹ thuật số<br>SV<br>cs2: |       |       |                                |
| 08:20 - 09:10   | 2    |                                 |       |                                  |       |       |                                |
| 09:10 - 10:00   | 3    |                                 |       |                                  |       |       |                                |
| 10:10 - 11:00   | 4    |                                 |       |                                  |       |       |                                |
| 11:00 - 11:50   | 5    |                                 |       |                                  |       |       |                                |
| 12:40 - 13:30   | 6    | CD tốt nghiệp MMT<br>SV<br>cs2: |       |                                  |       |       | Quản trị DV Mạng<br>SV<br>cs2: |
| 13:30 - 14:20   | 7    |                                 |       |                                  |       |       |                                |
| 14:20 - 15:10   | 8    |                                 |       |                                  |       |       |                                |
| 15:20 - 16:10   | 9    |                                 |       |                                  |       |       |                                |
| 16:10 - 17:00   | 10   |                                 |       |                                  |       |       |                                |
|                 |      |                                 |       |                                  |       |       |                                |

| MÃ HP    | TÊN HỌC PHẦN                       | SỐ TIẾT       | GIẢNG VIÊN LÝ THUYẾT | TRỢ GIẢNG | LOẠI HỌC PHẦN |
|----------|------------------------------------|---------------|----------------------|-----------|---------------|
| CSC11111 | Chuyên đề tốt nghiệp Mạng-máy tính | 45 LT + 30 TH |                      |           |               |
| CSC11003 | Lập trình mạng                     | 45 LT + 30 TH | (học chung 22_4)     |           |               |
| CSC11107 | Truyền thông kỹ thuật số           | 45 LT + 30 TH |                      |           |               |
| CSC11113 | Quản trị dịch vụ mạng              | 45 LT + 30 TH |                      |           |               |

THỜI KHÓA BIỂU LỚP CNTN2022

HỌC KỲ 2, NĂM HỌC 2024 - 2025

Thời gian học LT: từ 24/02/2025 đến 15/06/2025

Cơ sở: Nguyễn Văn Cừ

| Giờ BD - Giờ KT | Tiết | Thứ 2                                         | Thứ 3                                        | Thứ 4                                   | Thứ 5                                        | Thứ 6 | Thứ 7 |
|-----------------|------|-----------------------------------------------|----------------------------------------------|-----------------------------------------|----------------------------------------------|-------|-------|
| 07:00 - 07:50   | 1    |                                               | <del>Học thống kê<br/>SV<br/>cs1:</del>      | Thiết kế phần mềm<br>35SV<br>cs1:F110   |                                              |       |       |
| 07:50 - 08:40   | 2    |                                               |                                              |                                         |                                              |       |       |
| 08:40 - 09:30   | 3    |                                               |                                              |                                         |                                              |       |       |
| 09:40 - 10:30   | 4    | <del>Khai thác DL và ỨD<br/>SV<br/>cs1:</del> | Mã hóa ứng dụng<br>31SV<br>cs1:l71           | NMPT Độ phức tạp TT<br>36SV<br>cs1:F110 | <del>Phát triển ỨD web<br/>SV<br/>cs1:</del> |       |       |
| 10:30 - 11:20   | 5    |                                               |                                              |                                         |                                              |       |       |
| 11:20 - 12:10   | 6    |                                               |                                              |                                         |                                              |       |       |
| 12:50 - 13:40   | 7    | <del>PTDL BToàn tính riêng tư<br/>SV</del>    | <del>Thị giác máy tính<br/>SV<br/>cs1:</del> |                                         |                                              |       |       |
| 13:40 - 14:30   | 8    |                                               |                                              |                                         |                                              |       |       |
| 14:30 - 15:20   | 9    |                                               |                                              |                                         |                                              |       |       |
| 15:30 - 16:20   | 10   |                                               |                                              |                                         |                                              |       |       |
| 16:20 - 17:10   | 11   |                                               |                                              |                                         |                                              |       |       |
| 17:10 - 18:00   | 12   |                                               |                                              |                                         |                                              |       |       |

| MÃ HP    | TÊN HỌC PHẦN                              | SỐ TIẾT       | GIẢNG VIÊN LÝ THUYẾT       | TRỢ GIẢNG | LOẠI HỌC PHẦN |
|----------|-------------------------------------------|---------------|----------------------------|-----------|---------------|
| CSC14007 | Nhập môn phân tích độ phức tạp thuật toán | 45 LT + 30 TH | Trần Đan Thư<br>Lê Phúc Lữ |           |               |
| CSC13010 | Thiết kế phần mềm                         | 45 LT + 30 TH | Trần Minh Triết            |           |               |
| CSC15003 | Mã hóa ứng dụng                           | 45 LT + 30 TH | Trần Minh Triết            |           |               |
| CSC13008 | Phát triển ứng dụng web                   | 45 LT + 30 TH |                            |           |               |
| CSC14004 | Khai thác dữ liệu và ứng dụng             | 45 LT + 30 TH |                            |           |               |
| CSC15004 | Học thống kê                              | 45 LT + 30 TH |                            |           |               |
| CSC16004 | Thị giác máy tính                         | 45 LT + 30 TH |                            |           |               |
| CSC15107 | Phân tích dữ liệu bảo toàn tính riêng tư  | 45 LT + 30 TH |                            |           |               |

**THỜI KHÓA BIỂU LỚP TTNT2022**  
**HOC KỲ 2, NĂM HỌC 2024 - 2025**  
**Thời gian học LT: từ 24/02/2025 đến 15/06/2025**  
**Cơ sở: Linh Trung**

| Giờ BD - Giờ KT | Tiết | Thứ 2 | Thứ 3 | Thứ 4 | Thứ 5                                   | Thứ 6 | Thứ 7 |
|-----------------|------|-------|-------|-------|-----------------------------------------|-------|-------|
| 07:30 - 08:20   | 1    |       |       |       | CNPM cho hệ thống<br>32TTNT<br>cs2:F207 |       |       |
| 08:20 - 09:10   | 2    |       |       |       |                                         |       |       |
| 09:10 - 10:00   | 3    |       |       |       |                                         |       |       |
| 10:10 - 11:00   | 4    |       |       |       |                                         |       |       |
| 11:00 - 11:50   | 5    |       |       |       |                                         |       |       |
| 12:40 - 13:30   | 6    |       |       |       |                                         |       |       |
| 13:30 - 14:20   | 7    |       |       |       |                                         |       |       |
| 14:30 - 15:20   | 8    |       |       |       |                                         |       |       |
| 15:20 - 16:10   | 9    |       |       |       |                                         |       |       |
| 16:10 - 17:00   | 10   |       |       |       |                                         |       |       |
|                 |      |       |       |       |                                         |       |       |

| MÃ HP    | TÊN HỌC PHẦN                                        | SỐ TIẾT       | GIẢNG VIÊN LÝ THUYẾT              | TRỢ GIẢNG | LOẠI HỌC PHẦN |             |
|----------|-----------------------------------------------------|---------------|-----------------------------------|-----------|---------------|-------------|
| CSC15012 | Ứng dụng xử lý ngôn ngữ tự nhiên trong doanh nghiệp | 45 LT + 30 TH | (Học chung CNTT <sup>thúc</sup> ) |           |               |             |
| CSC14004 | Khai thác dữ liệu và ứng dụng                       | 45 LT + 30 TH | (Học chung KHMT)                  |           |               |             |
| CSC14005 | Nhập môn học máy                                    | 45 LT + 30 TH | (Học chung KHMT)                  |           |               |             |
| CSC16004 | Thị giác máy tính                                   | 45 LT + 30 TH | (Học chung TGMT)                  |           |               |             |
| CSC16109 | Ứng dụng xử lý ảnh số và video số                   | 45 LT + 30 TH | (Học chung TGMT)                  |           |               |             |
| CSC12004 | Phân tích thiết kế hệ thống thông tin               | 45 LT + 30 TH | (Học chung HTTT)                  |           |               |             |
| CSC10011 | Công nghệ phần mềm cho hệ thống trí tuệ nhân tạo    | 45 LT + 30 TH | Nguyễn Văn Vũ                     |           |               | Cơ sở ngành |

# THỜI KHÓA BIỂU LỚP CQ2022/1

HỌC KỲ 2, NĂM HỌC 2024 - 2025

Thời gian học LT: từ 24/02/2025 đến 15/06/2025

Cơ sở: Linh Trung

| Giờ BD - Giờ KT | Tiết | Thứ 2                                         | Thứ 3                                   | Thứ 4 | Thứ 5                                   | Thứ 6                                       | Thứ 7                                       |
|-----------------|------|-----------------------------------------------|-----------------------------------------|-------|-----------------------------------------|---------------------------------------------|---------------------------------------------|
|                 |      |                                               |                                         |       |                                         |                                             |                                             |
| 07:30 - 08:20   | 1    |                                               |                                         |       |                                         | XLPT dữ liệu trực tuyến<br>25SV<br>cs2:F305 | Phân tích thiết kế HTTT<br>85SV<br>cs2:F305 |
| 08:20 - 09:10   | 2    | AT&BMDL trong HTTT<br>85SV<br>cs2:F305        |                                         |       | CĐ HQTCSDL nâng cao<br>26SV<br>cs2:F107 |                                             |                                             |
| 09:10 - 10:00   | 3    |                                               |                                         |       |                                         |                                             |                                             |
| 10:10 - 11:00   | 4    |                                               |                                         |       |                                         |                                             |                                             |
| 11:00 - 11:50   | 5    |                                               |                                         |       |                                         |                                             |                                             |
| 12:40 - 13:30   | 6    | <div>Thương mại điện tử<br/>SV<br/>cs2:</div> | CS Trí tuệ nhân tạo<br>78SV<br>cs2:G502 |       |                                         |                                             |                                             |
| 13:30 - 14:20   | 7    |                                               |                                         |       |                                         |                                             |                                             |
| 14:30 - 15:20   | 8    |                                               |                                         |       |                                         |                                             |                                             |
| 15:20 - 16:10   | 9    |                                               |                                         |       |                                         |                                             |                                             |
| 16:10 - 17:00   | 10   |                                               |                                         |       |                                         |                                             |                                             |
|                 |      |                                               |                                         |       |                                         |                                             |                                             |

| MÃ HP    | TÊN HỌC PHẦN                                        | SỐ TIẾT       | GIẢNG VIÊN LÝ THUYẾT               | TRỢ GIẢNG | LOẠI HỌC PHẦN |
|----------|-----------------------------------------------------|---------------|------------------------------------|-----------|---------------|
| CSC14003 | Cơ sở trí tuệ nhân tạo                              | 45 LT + 30 TH | Nguyễn Ngọc Đức                    |           | Cơ sở ngành   |
| CSC12001 | An toàn và bảo mật dữ liệu trong hệ thống thông tin | 45 LT + 30 TH | Phạm Thị Bạch Huệ<br>Lương Vĩ Minh |           |               |
| CSC12004 | Phân tích thiết kế hệ thống thông tin               | 45 LT + 30 TH | Lê Nguyễn Hoài Nam                 |           |               |
| CSC12103 | Chuyên đề Hệ quản trị cơ sở dữ liệu nâng cao        | 45 LT + 30 TH | Tuấn Nguyễn Hoài Đức               |           |               |
| CSC12105 | Thương mại điện tử                                  | 45 LT + 30 TH | Lương Vĩ Minh                      |           |               |
| CSC17106 | Xử lý phân tích dữ liệu trực tuyến                  | 45 LT + 30 TH | Nguyễn Trần Minh Thư               |           |               |

**THỜI KHÓA BIỂU LỚP CQ2022/21**  
**HOC KỲ 2, NĂM HỌC 2024 - 2025**  
**Thời gian học LT: từ 24/02/2025 đến 15/06/2025**  
**Cơ sở: Linh Trung**

| Giờ BD - Giờ KT | Tiết | Thứ 2                                                  | Thứ 3                                                       | Thứ 4                                                           | Thứ 5                                                     | Thứ 6                                                    | Thứ 7 |
|-----------------|------|--------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------|-------|
| 07:30 - 08:20   | 1    | <b>Nhập môn CNPM</b><br><b>52SV</b><br><b>cs2:F304</b> | <b>Khai thác DL và ỨD</b><br><b>57SV</b><br><b>cs2:F106</b> | <b>Nhập môn học máy</b><br><b>78SV</b><br><b>cs2:NGH 6.7</b>    | <div>Automata và NNHT</div> <div>SV</div> <div>cs2:</div> |                                                          |       |
| 08:20 - 09:10   | 2    |                                                        |                                                             |                                                                 |                                                           |                                                          |       |
| 09:10 - 10:00   | 3    |                                                        |                                                             |                                                                 |                                                           |                                                          |       |
| 10:10 - 11:00   | 4    |                                                        |                                                             |                                                                 |                                                           |                                                          |       |
| 11:00 - 11:50   | 5    |                                                        |                                                             |                                                                 |                                                           |                                                          |       |
| 12:40 - 13:30   | 6    |                                                        | <b>Nhận dạng</b><br><b>37SV</b><br><b>cs2:E105</b>          | <div>PP Nghiên cứu khoa học</div> <div>SV</div> <div>cs2:</div> |                                                           | <b>Nhập môn DL lớn</b><br><b>70SV</b><br><b>cs2:F304</b> |       |
| 13:30 - 14:20   | 7    |                                                        |                                                             |                                                                 |                                                           |                                                          |       |
| 14:20 - 15:10   | 8    |                                                        |                                                             |                                                                 |                                                           |                                                          |       |
| 15:20 - 16:10   | 9    |                                                        |                                                             |                                                                 |                                                           |                                                          |       |
| 16:10 - 17:00   | 10   |                                                        |                                                             |                                                                 |                                                           |                                                          |       |
|                 |      |                                                        |                                                             |                                                                 |                                                           |                                                          |       |

| MÃ HP    | TÊN HỌC PHẦN                    | SỐ TIẾT       | GIẢNG VIÊN LÝ THUYẾT  | TRỢ GIẢNG | LOẠI HỌC PHẦN |
|----------|---------------------------------|---------------|-----------------------|-----------|---------------|
| CSC13002 | Nhập môn công nghệ phần mềm     | 45 LT + 30 TH | Nguyễn Thị Minh Tuyền |           | Cơ sở ngành   |
| CSC14001 | Automata và ngôn ngữ hình thức  | 45 LT + 30 TH |                       |           |               |
| CSC14004 | Khai thác dữ liệu và ứng dụng   | 45 LT + 30 TH | Lê Hoài Bắc           |           |               |
| CSC14005 | Nhập môn học máy                | 45 LT + 30 TH | Bùi Tiến Lên          |           |               |
| CSC14006 | Nhận dạng                       | 45 LT + 30 TH | Lê Hoàng Thái         |           |               |
| CSC14008 | Phương pháp nghiên cứu khoa học | 45 LT + 30 TH |                       |           |               |
| CSC14118 | Nhập môn dữ liệu lớn            | 45 LT + 30 TH | Nguyễn Ngọc Thảo      |           |               |

**THỜI KHÓA BIỂU LỚP CQ2022/24**  
**HOC KỲ 2, NĂM HỌC 2024 - 2025**  
**Thời gian học LT: từ 24/02/2025 đến 15/06/2025**  
**Cơ sở: Linh Trung**

| Giờ BD - Giờ KT | Tiết | Thứ 2 | Thứ 3                                | Thứ 4 | Thứ 5                                  | Thứ 6 | Thứ 7                                   |
|-----------------|------|-------|--------------------------------------|-------|----------------------------------------|-------|-----------------------------------------|
| 07:30 - 08:20   | 1    |       | Nhập môn học máy<br>70SV<br>cs2:F302 |       | Khai thác DL và ỨD<br>44SV<br>cs2:D106 |       | Trực quan hóa DL<br>48SV<br>cs2:E105    |
| 08:20 - 09:10   | 2    |       |                                      |       |                                        |       |                                         |
| 09:10 - 10:00   | 3    |       |                                      |       |                                        |       |                                         |
| 10:10 - 11:00   | 4    |       |                                      |       |                                        |       |                                         |
| 11:00 - 11:50   | 5    |       |                                      |       |                                        |       |                                         |
| 12:40 - 13:30   | 6    |       |                                      |       |                                        |       | PTích DL thông minh<br>70SV<br>cs2:F305 |
| 13:30 - 14:20   | 7    |       |                                      |       |                                        |       |                                         |
| 14:20 - 15:10   | 8    |       |                                      |       |                                        |       |                                         |
| 15:20 - 16:10   | 9    |       |                                      |       |                                        |       |                                         |
| 16:10 - 17:00   | 10   |       |                                      |       |                                        |       |                                         |
|                 |      |       |                                      |       |                                        |       |                                         |

| MÃ HP    | TÊN HỌC PHẦN                  | SỐ TIẾT       | GIẢNG VIÊN LÝ THUYẾT  | TRỢ GIẢNG | LOẠI HỌC PHẦN |
|----------|-------------------------------|---------------|-----------------------|-----------|---------------|
| CSC13002 | Nhập môn công nghệ phần mềm   | 45 LT + 30 TH | (Học chung CQ2022/21) |           | Cơ sở ngành   |
| CSC15007 | Thông kê máy tính và ứng dụng | 45 LT + 30 TH | (Học chung CQ2022/22) |           |               |
| CSC14118 | Nhập môn dữ liệu lớn          | 45 LT + 30 TH | (Học chung CQ2022/21) |           |               |
| CSC15004 | Học thống kê                  | 45 LT + 30 TH | (Học chung CQ2022/22) |           |               |
| CSC10108 | Trực quan hóa dữ liệu         | 45 LT + 30 TH | Bùi Tiến Lên          |           |               |
| CSC14004 | Khai thác dữ liệu và ứng dụng | 45 LT + 30 TH | Lê Hoài Bắc           |           |               |
| CSC14005 | Nhập môn học máy              | 45 LT + 30 TH | Bùi Duy Đăng          |           |               |
| CSC17001 | Phân tích dữ liệu thông minh  | 45 LT + 30 TH | Nguyễn Tiến Huy       |           |               |

**THỜI KHÓA BIỂU LỚP CQ2022/22**  
**HỌC KỲ 2, NĂM HỌC 2024 - 2025**  
**Thời gian học LT: từ 24/02/2025 đến 15/06/2025**  
**Cơ sở: Linh Trung**

| Giờ BD - Giờ KT | Tiết | Thứ 2                             | Thứ 3 | Thứ 4                            | Thứ 5                                  | Thứ 6                             | Thứ 7                                         |
|-----------------|------|-----------------------------------|-------|----------------------------------|----------------------------------------|-----------------------------------|-----------------------------------------------|
| 07:30 - 08:20   | 1    | KTDL văn bản và ỨD<br>SV<br>cs2:  |       | UD XLNNTN D.Nghiệp<br>SV<br>cs2: | Bảo mật CSDL<br>57SV<br>cs2:E104       | Nhập môn CNPM<br>66SV<br>cs2:G502 | Học thống kê<br>53SV<br>cs2:F207              |
| 08:20 - 09:10   | 2    |                                   |       |                                  |                                        |                                   |                                               |
| 09:10 - 10:00   | 3    |                                   |       |                                  |                                        |                                   |                                               |
| 10:10 - 11:00   | 4    |                                   |       |                                  |                                        |                                   |                                               |
| 11:00 - 11:50   | 5    |                                   |       |                                  |                                        |                                   |                                               |
| 12:40 - 13:30   | 6    | Pháp chứng cho DLSố<br>SV<br>cs2: |       | Mã hóa ỨD<br>66SV<br>cs2:NGH 6.7 | TKê máy tính và ỨD<br>60SV<br>cs2:F305 |                                   | PTDL BToàn tính riêng tư<br>22SV<br>cs2:E305A |
| 13:30 - 14:20   | 7    |                                   |       |                                  |                                        |                                   |                                               |
| 14:20 - 15:10   | 8    |                                   |       |                                  |                                        |                                   |                                               |
| 15:20 - 16:10   | 9    |                                   |       |                                  |                                        |                                   |                                               |
| 16:10 - 17:00   | 10   |                                   |       |                                  |                                        |                                   |                                               |
|                 |      |                                   |       |                                  |                                        |                                   |                                               |

| MÃ HP    | TÊN HỌC PHẦN                                        | SỐ TIẾT       | GIẢNG VIÊN LÝ THUYẾT                 | TRỢ GIẢNG | LOẠI HỌC PHẦN |
|----------|-----------------------------------------------------|---------------|--------------------------------------|-----------|---------------|
| CSC15105 | Khai thác dữ liệu văn bản và ứng dụng               | 45 LT + 30 TH |                                      |           |               |
| CSC13002 | Nhập môn công nghệ phần mềm                         | 45 LT + 30 TH | Trần Duy Hoàng                       |           | Cơ sở ngành   |
| CSC15002 | Bảo mật cơ sở dữ liệu                               | 45 LT + 30 TH | Nguyễn Đình Thúc                     |           |               |
| CSC15003 | Mã hóa ứng dụng                                     | 45 LT + 30 TH | Trần Minh Triết<br>Trương Toàn Thịnh |           |               |
| CSC15004 | Học thống kê                                        | 45 LT + 30 TH | Ngô Minh Nhựt                        |           |               |
| CSC15007 | Thống kê máy tính và ứng dụng                       | 45 LT + 30 TH | Vũ Quốc Hoàng                        |           |               |
| CSC15012 | Ứng dụng xử lý ngôn ngữ tự nhiên trong doanh nghiệp | 45 LT + 30 TH |                                      |           |               |
| CSC15107 | Phân tích dữ liệu bảo toàn tính riêng tư            | 45 LT + 30 TH | Lê Phúc Lữ<br>Nguyễn Ngọc Toàn       |           |               |
| CSC15108 | Pháp chứng cho dữ liệu số                           | 45 LT + 30 TH |                                      |           |               |

**THỜI KHÓA BIỂU LỚP CQ2022/25**  
**HOC KỲ 2, NĂM HỌC 2024 - 2025**  
**Thời gian học LT: từ 24/02/2025 đến 15/06/2025**  
***Cơ sở: Linh Trung***

| Giờ BD - Giờ KT | Tiết | Thứ 2 | Thứ 3 | Thứ 4 | Thứ 5 | Thứ 6 | Thứ 7 |
|-----------------|------|-------|-------|-------|-------|-------|-------|
| 07:30 - 08:20   | 1    |       |       |       |       |       |       |
| 08:20 - 09:10   | 2    |       |       |       |       |       |       |
| 09:10 - 10:00   | 3    |       |       |       |       |       |       |
| 10:10 - 11:00   | 4    |       |       |       |       |       |       |
| 11:00 - 11:50   | 5    |       |       |       |       |       |       |
| 12:40 - 13:30   | 6    |       |       |       |       |       |       |
| 13:30 - 14:20   | 7    |       |       |       |       |       |       |
| 14:20 - 15:10   | 8    |       |       |       |       |       |       |
| 15:20 - 16:10   | 9    |       |       |       |       |       |       |
| 16:10 - 17:00   | 10   |       |       |       |       |       |       |
|                 |      |       |       |       |       |       |       |

| MÃ HP    | TÊN HỌC PHẦN                                        | SỐ TIẾT       | GIẢNG VIÊN LÝ THUYẾT  | TRỢ GIẢNG | LOẠI HỌC PHẦN |
|----------|-----------------------------------------------------|---------------|-----------------------|-----------|---------------|
| CSC13002 | Nhập môn công nghệ phần mềm                         | 45 LT + 30 TH | (Học chung CQ2022/22) |           | Cơ sở ngành   |
| CSC15002 | Bảo mật cơ sở dữ liệu                               | 45 LT + 30 TH | (Học chung CQ2022/22) |           |               |
| CSC15003 | Mã hóa ứng dụng                                     | 45 LT + 30 TH | (Học chung CQ2022/22) |           |               |
| CSC15004 | Học thống kê                                        | 45 LT + 30 TH | (Học chung CQ2022/22) |           |               |
| CSC12001 | An toàn và bảo mật dữ liệu trong hệ thống thông tin | 45 LT + 30 TH | (Học chung CQ2022/1)  |           |               |
| CSC14005 | Nhập môn học máy                                    | 45 LT + 30 TH | (Học chung CQ2022/21) |           |               |

**THỜI KHÓA BIỂU LỚP CQ2022/23**  
**HỌC KỲ 2, NĂM HỌC 2024 - 2025**  
**Thời gian học LT: từ 24/02/2025 đến 15/06/2025**  
**Cơ sở: Linh Trung**

| Giờ BD - Giờ KT | Tiết | Thứ 2                                                        | Thứ 3                                                    | Thứ 4 | Thứ 5                                                      | Thứ 6 | Thứ 7 |
|-----------------|------|--------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------|-------|------------------------------------------------------------|-------|-------|
| 07:30 - 08:20   | 1    | <b>PTTKê DL nhiều biến</b><br><b>27SV</b><br><b>cs2:D212</b> | <b>ỨD XL AS&amp;VS</b><br><b>27SV</b><br><b>cs2:E203</b> |       | <b>Thị giác máy tính</b><br><b>34SV</b><br><b>cs2:F305</b> |       |       |
| 08:20 - 09:10   | 2    |                                                              |                                                          |       |                                                            |       |       |
| 09:10 - 10:00   | 3    |                                                              |                                                          |       |                                                            |       |       |
| 10:10 - 11:00   | 4    |                                                              |                                                          |       |                                                            |       |       |
| 11:00 - 11:50   | 5    |                                                              |                                                          |       |                                                            |       |       |
| 12:40 - 13:30   | 6    |                                                              |                                                          |       | <b>Đồ họa ứng dụng</b><br><b>14SV</b><br><b>cs2:G501</b>   |       |       |
| 13:30 - 14:20   | 7    |                                                              |                                                          |       |                                                            |       |       |
| 14:20 - 15:10   | 8    |                                                              |                                                          |       |                                                            |       |       |
| 15:20 - 16:10   | 9    |                                                              |                                                          |       |                                                            |       |       |
| 16:10 - 17:00   | 10   |                                                              |                                                          |       |                                                            |       |       |
|                 |      |                                                              |                                                          |       |                                                            |       |       |

| MÃ HP    | TÊN HỌC PHẦN                          | SỐ TIẾT       | GIẢNG VIÊN LÝ THUYẾT      | TRỢ GIẢNG | LOẠI HỌC PHẦN |
|----------|---------------------------------------|---------------|---------------------------|-----------|---------------|
| CSC13002 | Nhập môn công nghệ phần mềm           | 45 LT + 30 TH | (Học chung lớp CQ2022-22) |           | Cơ sở ngành   |
| CSC16003 | Phân tích thống kê dữ liệu nhiều biến | 45 LT + 30 TH | Lý Quốc Ngọc              |           |               |
| CSC16004 | Thị giác máy tính                     | 45 LT + 30 TH | Võ Hoài Việt              |           |               |
| CSC16101 | Đồ họa ứng dụng                       | 45 LT + 30 TH | Phạm Thanh Tùng           |           |               |
| CSC16109 | Ứng dụng xử lý ảnh số và video số     | 45 LT + 30 TH | Lý Quốc Ngọc              |           |               |

**THỜI KHÓA BIỂU LỚP CQ2022/3**  
**HỌC KỲ 2, NĂM HỌC 2024 - 2025**  
**Thời gian học LT: từ 24/02/2025 đến 15/06/2025**  
***Cơ sở: Linh Trung***

| Giờ BD - Giờ KT | Tiết | Thứ 2                                                           | Thứ 3                                                 | Thứ 4 | Thứ 5 | Thứ 6 | Thứ 7                                                      |
|-----------------|------|-----------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------|-------|-------|-------|------------------------------------------------------------|
| 07:30 - 08:20   | 1    |                                                                 |                                                       |       |       |       |                                                            |
| 08:20 - 09:10   | 2    |                                                                 |                                                       |       |       |       |                                                            |
| 09:10 - 10:00   | 3    |                                                                 |                                                       |       |       |       |                                                            |
| 10:10 - 11:00   | 4    |                                                                 |                                                       |       |       |       |                                                            |
| 11:00 - 11:50   | 5    |                                                                 |                                                       |       |       |       |                                                            |
| 12:40 - 13:30   | 6    | <b>PT &amp; QL yêu cầu PM</b><br><b>66SV</b><br><b>cs2:E104</b> | <b>Cơ sở CNTTạo</b><br><b>80SV</b><br><b>cs2:F302</b> |       |       |       | <b>Thiết kế phần mềm</b><br><b>77SV</b><br><b>cs2:E105</b> |
| 13:30 - 14:20   | 7    |                                                                 |                                                       |       |       |       |                                                            |
| 14:20 - 15:10   | 8    |                                                                 |                                                       |       |       |       |                                                            |
| 15:20 - 16:10   | 9    |                                                                 |                                                       |       |       |       |                                                            |
| 16:10 - 17:00   | 10   |                                                                 |                                                       |       |       |       |                                                            |
|                 |      |                                                                 |                                                       |       |       |       |                                                            |

| MÃ HP    | TÊN HỌC PHẦN                          | SỐ TIẾT       | GIẢNG VIÊN LÝ THUYẾT        | TRỢ GIẢNG | LOẠI HỌC PHẦN |
|----------|---------------------------------------|---------------|-----------------------------|-----------|---------------|
| CSC14003 | Cơ sở trí tuệ nhân tạo                | 45 LT + 30 TH | Bùi Duy Đăng                |           | Cơ sở ngành   |
| CSC13005 | Phân tích và quản lý yêu cầu phần mềm | 45 LT + 30 TH | Trương Phước Lộc            |           |               |
| CSC13010 | Thiết kế phần mềm                     | 45 LT + 30 TH | Trần Duy Thảo               |           |               |
| CSC11007 | Nhập môn DevOps                       | 45 LT + 30 TH | (Học chung CQ2022/4)        |           |               |
| CSC14005 | Nhập môn học máy                      | 45 LT + 30 TH | (Học chung CQ2022/21 và 24) |           |               |

**THỜI KHÓA BIỂU LỚP CQ2022/31**  
**HỌC KỲ 2, NĂM HỌC 2024 - 2025**  
**Thời gian học LT: từ 24/02/2025 đến 15/06/2025**  
**Cơ sở: Linh Trung**

| Giờ BD - Giờ KT | Tiết | Thứ 2                                  | Thứ 3 | Thứ 4                                    | Thứ 5 | Thứ 6 | Thứ 7 |
|-----------------|------|----------------------------------------|-------|------------------------------------------|-------|-------|-------|
|                 |      |                                        |       |                                          |       |       |       |
| 07:30 - 08:20   | 1    | PT & QL yêu cầu PM<br>51SV<br>cs2:E104 |       | Thiết kế phần mềm<br>75SV<br>cs2:NĐH 7.7 |       |       |       |
| 08:20 - 09:10   | 2    |                                        |       |                                          |       |       |       |
| 09:10 - 10:00   | 3    |                                        |       |                                          |       |       |       |
| 10:10 - 11:00   | 4    |                                        |       |                                          |       |       |       |
| 11:00 - 11:50   | 5    |                                        |       |                                          |       |       |       |
| 12:40 - 13:30   | 6    |                                        |       |                                          |       |       |       |
| 13:30 - 14:20   | 7    |                                        |       |                                          |       |       |       |
| 14:20 - 15:10   | 8    |                                        |       |                                          |       |       |       |
| 15:20 - 16:10   | 9    |                                        |       |                                          |       |       |       |
| 16:10 - 17:00   | 10   |                                        |       |                                          |       |       |       |
|                 |      |                                        |       |                                          |       |       |       |

| MÃ HP    | TÊN HỌC PHẦN                          | SỐ TIẾT       | GIẢNG VIÊN LÝ THUYẾT        | TRỢ GIẢNG | LOẠI HỌC PHẦN |
|----------|---------------------------------------|---------------|-----------------------------|-----------|---------------|
| CSC14003 | Cơ sở trí tuệ nhân tạo                | 45 LT + 30 TH | (Học chung CQ2022/3)        |           | Cơ sở ngành   |
| CSC13005 | Phân tích và quản lý yêu cầu phần mềm | 45 LT + 30 TH | Trương Phước Lộc            |           |               |
| CSC13010 | Thiết kế phần mềm                     | 45 LT + 30 TH | Trần Văn Quý                |           |               |
| CSC11007 | Nhập môn DevOps                       | 45 LT + 30 TH | (Học chung CQ2022/4)        |           |               |
| CSC14005 | Nhập môn học máy                      | 45 LT + 30 TH | (Học chung CQ2022/21 và 24) |           |               |

**THỜI KHÓA BIỂU LỚP CQ2022/4**  
**HỌC KỲ 2, NĂM HỌC 2024 - 2025**  
**Thời gian học LT: từ 24/02/2025 đến 15/06/2025**  
**Cơ sở: Linh Trung**

| Giờ BD - Giờ KT | Tiết | Thứ 2 | Thứ 3                                  | Thứ 4 | Thứ 5 | Thứ 6                               | Thứ 7                                   |
|-----------------|------|-------|----------------------------------------|-------|-------|-------------------------------------|-----------------------------------------|
|                 |      |       |                                        |       |       |                                     |                                         |
| 07:30 - 08:20   | 1    |       | Điện toán đám mây<br>51SV<br>cs2:E301B |       |       | Nhập môn DevOps<br>76SV<br>cs2:D106 | Hệ thống viễn thông<br>14SV<br>cs2:E104 |
| 08:20 - 09:10   | 2    |       |                                        |       |       |                                     |                                         |
| 09:10 - 10:00   | 3    |       |                                        |       |       |                                     |                                         |
| 10:10 - 11:00   | 4    |       |                                        |       |       |                                     |                                         |
| 11:00 - 11:50   | 5    |       |                                        |       |       |                                     |                                         |
| 12:40 - 13:30   | 6    |       |                                        |       |       |                                     | Lập trình mạng<br>22SV<br>cs2:F308      |
| 13:30 - 14:20   | 7    |       |                                        |       |       |                                     |                                         |
| 14:20 - 15:10   | 8    |       |                                        |       |       |                                     |                                         |
| 15:20 - 16:10   | 9    |       |                                        |       |       |                                     |                                         |
| 16:10 - 17:00   | 10   |       |                                        |       |       |                                     |                                         |
|                 |      |       |                                        |       |       |                                     |                                         |

| MÃ HP    | TÊN HỌC PHẦN               | SỐ TIẾT       | GIẢNG VIÊN LÝ THUYẾT  | TRỢ GIẢNG | LOẠI HỌC PHẦN |
|----------|----------------------------|---------------|-----------------------|-----------|---------------|
| CSC11002 | Hệ thống viễn thông        | 45 LT + 30 TH | Huỳnh Thụy Bảo Trân   |           |               |
| CSC11003 | Lập trình mạng             | 45 LT + 30 TH | Nguyễn Thanh Quân     |           |               |
| CSC11006 | Nhập môn điện toán đám mây | 45 LT + 30 TH | Lê Ngọc Sơn           |           |               |
| CSC11007 | Nhập môn DevOps            | 45 LT + 30 TH | Nguyễn Thanh Quân     |           |               |
| CSC15003 | Mã hóa ứng dụng            | 45 LT + 30 TH | (Học chung CQ2022/22) |           |               |

**THỜI KHÓA BIỂU LỚP CQ2022/5**  
**HỌC KỲ 2, NĂM HỌC 2024 - 2025**  
**Thời gian học LT: từ 24/02/2025 đến 15/06/2025**  
***Cơ sở: Linh Trung***

| Giờ BD - Giờ KT | Tiết | Thứ 2                                    | Thứ 3 | Thứ 4 | Thứ 5                             | Thứ 6 | Thứ 7                                             |
|-----------------|------|------------------------------------------|-------|-------|-----------------------------------|-------|---------------------------------------------------|
| 07:30 - 08:20   | 1    | Quy hoạch tuyến tính<br>80SV<br>cs2:F106 |       |       | Hệ điều hành<br>43SV<br>cs2:E304A |       | Kiến tập nghề nghiệp<br>132SV<br>cs2:Hội trường B |
| 08:20 - 09:10   | 2    |                                          |       |       |                                   |       |                                                   |
| 09:10 - 10:00   | 3    |                                          |       |       |                                   |       |                                                   |
| 10:10 - 11:00   | 4    |                                          |       |       |                                   |       |                                                   |
| 11:00 - 11:50   | 5    |                                          |       |       |                                   |       |                                                   |
| 12:40 - 13:30   | 6    |                                          |       |       |                                   |       |                                                   |
| 13:30 - 14:20   | 7    |                                          |       |       |                                   |       |                                                   |
| 14:20 - 15:10   | 8    |                                          |       |       |                                   |       |                                                   |
| 15:20 - 16:10   | 9    |                                          |       |       |                                   |       |                                                   |
| 16:10 - 17:00   | 10   |                                          |       |       |                                   |       |                                                   |
|                 |      |                                          |       |       |                                   |       |                                                   |

| MÃ HP    | TÊN HỌC PHẦN         | SỐ TIẾT       | GIẢNG VIÊN LÝ THUYẾT | TRỢ GIẢNG                       | LOẠI HỌC PHẦN |
|----------|----------------------|---------------|----------------------|---------------------------------|---------------|
| CSC10007 | Hệ điều hành         | 45 LT + 30 TH | Thái Hùng Văn        |                                 |               |
| CSC10102 | Kiến tập nghề nghiệp | 15 LT + 30 TH | Cao Xuân Nam         | Hoàng Hà My<br>Đặng Hoài Thương |               |
| CSC10104 | Quy hoạch tuyến tính | 45 LT + 30 TH | Lê Phúc Lữ           |                                 |               |

**THỜI KHÓA BIỂU LỚP CNTN2023**  
**HOC KỲ 2, NĂM HỌC 2024 - 2025**  
**Thời gian học LT: từ 24/02/2025 đến 15/06/2025**  
**Cơ sở: Linh Trung**

| Giờ BD - Giờ KT | Tiết | Thứ 2                                       | Thứ 3                                           | Thứ 4                                    | Thứ 5                            | Thứ 6                                        | Thứ 7 |  |
|-----------------|------|---------------------------------------------|-------------------------------------------------|------------------------------------------|----------------------------------|----------------------------------------------|-------|--|
|                 |      |                                             |                                                 |                                          |                                  |                                              |       |  |
| 07:30 - 08:20   | 1    | Phương pháp NCKH<br>38SV<br>cs2:F101 (CDIO) |                                                 | Cơ sở dữ liệu<br>39SV<br>cs2:F101 (CDIO) | TH Cơ sở dữ liệu<br>N2, PMT-C201 |                                              |       |  |
| 08:20 - 09:10   | 2    |                                             |                                                 |                                          |                                  |                                              |       |  |
| 09:10 - 10:00   | 3    |                                             | Toán ƯD và TKê<br>38SV<br>cs2:F101 (CDIO)       |                                          |                                  |                                              |       |  |
| 10:10 - 11:00   | 4    |                                             |                                                 |                                          | TH Cơ sở dữ liệu<br>N1, PMT-C201 |                                              |       |  |
| 11:00 - 11:50   | 5    |                                             |                                                 |                                          |                                  |                                              |       |  |
| 12:40 - 13:30   | 6    | TH Hướng đối tượng<br>N2, PMT-D204          | PPLT Hướng đối tượng<br>38SV<br>cs2:F101 (CDIO) |                                          |                                  | Hệ thống máy tính<br>39SV<br>cs2:F101 (CDIO) |       |  |
| 13:30 - 14:20   | 7    |                                             |                                                 |                                          |                                  |                                              |       |  |
| 14:20 - 15:10   | 8    | TH Hướng đối tượng<br>N1, PMT-D204          |                                                 |                                          |                                  |                                              |       |  |
| 15:20 - 16:10   | 9    |                                             |                                                 |                                          |                                  |                                              |       |  |
| 16:10 - 17:00   | 10   |                                             |                                                 |                                          |                                  |                                              |       |  |
|                 |      |                                             |                                                 |                                          |                                  |                                              |       |  |

| MÃ HP    | TÊN HỌC PHẦN                          | SỐ TIẾT       | GIẢNG VIÊN LÝ THUYẾT | TRỢ GIẢNG | LOẠI HỌC PHẦN |
|----------|---------------------------------------|---------------|----------------------|-----------|---------------|
| BAA00014 | Anh văn 4                             | 30 LT + 30 TH | (học chung CQ)       |           | BB KTGDĐC     |
| BAA00101 | Triết học Mác - Lênin                 | 45 LT + 0 TH  | (học chung CQ)       |           | BB KTGDĐC     |
| BAA00005 | Kinh tế đại cương                     | 30 LT + 0 TH  | (học chung CQ)       |           | TC KTGDĐC     |
| BAA00006 | Tâm lý đại cương                      | 30 LT + 0 TH  | (học chung CQ)       |           | TC KTGDĐC     |
| BAA00007 | Phương pháp luận sáng tạo             | 30 LT + 0 TH  | (học chung CQ)       |           | TC KTGDĐC     |
| MTH00052 | Phương pháp tính                      | 45 LT + 30 TH | (học chung CQ)       |           | TC KTGDĐC     |
| MTH00053 | Lý thuyết số                          | 45 LT + 30 TH | (học chung CQ)       |           | TC KTGDĐC     |
| MTH00051 | Toán ứng dụng và thống kê             | 45 LT + 30 TH | Nguyễn Đình Thúc     |           | TC KTGDĐC     |
| CSC10003 | Phương pháp lập trình hướng đối tượng | 45 LT + 30 TH | Nguyễn Minh Huy      |           | Cơ sở ngành   |
| CSC10006 | Cơ sở dữ liệu                         | 45 LT + 30 TH | Nguyễn Trần Minh Thư |           | Cơ sở ngành   |
| CSC10009 | Hệ thống máy tính                     | 30 LT + 0 TH  | Phạm Tuấn Sơn        |           | Cơ sở ngành   |

|          |                                 |               |             |  |  |  |
|----------|---------------------------------|---------------|-------------|--|--|--|
| CSC14008 | Phương pháp nghiên cứu khoa học | 45 LT + 30 TH | Vũ Hải Quân |  |  |  |
|----------|---------------------------------|---------------|-------------|--|--|--|

THỜI KHÓA BIỂU LỚP TTNT2023

HOC KỲ 2, NĂM HỌC 2024 - 2025

Thời gian học LT: từ 24/02/2025 đến 15/06/2025

Cơ sở: Linh Trung

| Giờ BD - Giờ KT | Tiết | Thứ 2 | Thứ 3                                | Thứ 4                                           | Thứ 5                              | Thứ 6 | Thứ 7                                 |
|-----------------|------|-------|--------------------------------------|-------------------------------------------------|------------------------------------|-------|---------------------------------------|
| 07:30 - 08:20   | 1    |       | PP toán cho TTNT<br>52SV<br>cs2:G502 |                                                 |                                    |       | Cơ sở dữ liệu<br>53SV<br>cs2:G201     |
| 08:20 - 09:10   | 2    |       |                                      |                                                 |                                    |       |                                       |
| 09:10 - 10:00   | 3    |       |                                      |                                                 |                                    |       |                                       |
| 10:10 - 11:00   | 4    |       |                                      |                                                 |                                    |       |                                       |
| 11:00 - 11:50   | 5    |       |                                      |                                                 |                                    |       |                                       |
| 12:40 - 13:30   | 6    |       |                                      | PPLT Hướng đối tượng<br>52SV<br>cs2:F102 (CDIO) | TH Hướng đối tượng<br>N1, PMT-C202 |       | Hệ thống máy tính<br>52SV<br>cs2:G201 |
| 13:30 - 14:20   | 7    |       |                                      |                                                 | TH Cơ sở dữ liệu<br>N2, PMT-C201   |       |                                       |
| 14:20 - 15:10   | 8    |       |                                      |                                                 | TH Hướng đối tượng<br>N2, PMT-C202 |       |                                       |
| 15:20 - 16:10   | 9    |       |                                      |                                                 | TH Cơ sở dữ liệu<br>N1, PMT-C201   |       |                                       |
| 16:10 - 17:00   | 10   |       |                                      |                                                 |                                    |       |                                       |
|                 |      |       |                                      |                                                 |                                    |       |                                       |

| MÃ HP    | TÊN HỌC PHẦN                          | SỐ TIẾT       | GIẢNG VIÊN LÝ THUYẾT | TRỢ GIẢNG | LOẠI HỌC PHẦN |
|----------|---------------------------------------|---------------|----------------------|-----------|---------------|
| BAA00014 | Anh văn 4                             | 30 LT + 30 TH |                      |           | BB KTGDĐC     |
| BAA00101 | Triết học Mác - Lênin                 | 45 LT + 0 TH  | (học chung CQ)       |           | BB KTGDĐC     |
| BAA00005 | Kinh tế đại cương                     | 30 LT + 0 TH  | (học chung CQ)       |           | TC KTGDĐC     |
| BAA00006 | Tâm lý đại cương                      | 30 LT + 0 TH  | (học chung CQ)       |           | TC KTGDĐC     |
| BAA00007 | Phương pháp luận sáng tạo             | 30 LT + 0 TH  | (học chung CQ)       |           | TC KTGDĐC     |
| MTH00051 | Toán ứng dụng và thống kê             | 45 LT + 30 TH | (học chung CQ)       |           | TC KTGDĐC     |
| MTH00052 | Phương pháp tính                      | 45 LT + 30 TH | (học chung CQ)       |           | TC KTGDĐC     |
| MTH00053 | Lý thuyết số                          | 45 LT + 30 TH | (học chung CQ)       |           | TC KTGDĐC     |
| MTH00056 | Phương pháp toán cho trí tuệ nhân tạo | 45 LT + 30 TH | Cần Trần Thành Trung |           | TC KTGDĐC     |
| CSC10003 | Phương pháp lập trình hướng đối tượng | 45 LT + 30 TH | Nguyễn Văn Khiết     |           | Cơ sở ngành   |
| CSC10006 | Cơ sở dữ liệu                         | 45 LT + 30 TH | Phạm Nguyễn Cương    |           | Cơ sở ngành   |
| CSC10009 | Hệ thống máy tính                     | 30 LT + 0 TH  | Vũ Thị Mỹ Hằng       |           | Cơ sở ngành   |

Ghi chú: sinh viên lớp TTNT có thể chọn học 1 trong 4 môn toán MTH00051, MTH00052, MTH00053, MTH00056

THỜI KHÓA BIỂU LỚP CQ2023/1

HOC KỲ 2, NĂM HỌC 2024 - 2025

Thời gian học LT: từ 24/02/2025 đến 15/06/2025

Cơ sở: Linh Trung

| Giờ BD - Giờ KT | Tiết | Thứ 2 | Thứ 3 | Thứ 4 | Thứ 5                                 | Thứ 6                                | Thứ 7                              |
|-----------------|------|-------|-------|-------|---------------------------------------|--------------------------------------|------------------------------------|
|                 |      |       |       |       |                                       |                                      |                                    |
| 07:30 - 08:20   | 1    |       |       |       | Cơ sở dữ liệu<br>72SV<br>cs2:G302     | TH Hướng đối tượng<br>N1, PMT-C202   | Toán ƯĐ và TKê<br>75SV<br>cs2:E203 |
| 08:20 - 09:10   | 2    |       |       |       |                                       | TH Cơ sở dữ liệu<br>N2, PMT-C201     |                                    |
| 09:10 - 10:00   | 3    |       |       |       |                                       | TH Hướng đối tượng<br>N2, PMT-C202   |                                    |
| 10:10 - 11:00   | 4    |       |       |       |                                       | TH Cơ sở dữ liệu<br>N1, PMT-C201     |                                    |
| 11:00 - 11:50   | 5    |       |       |       |                                       |                                      |                                    |
| 12:40 - 13:30   | 6    |       |       |       | Hệ thống máy tính<br>67SV<br>cs2:G302 | PP lập trình HĐT<br>74SV<br>cs2:G502 |                                    |
| 13:30 - 14:20   | 7    |       |       |       |                                       |                                      |                                    |
| 14:20 - 15:10   | 8    |       |       |       |                                       |                                      |                                    |
| 15:20 - 16:10   | 9    |       |       |       |                                       |                                      |                                    |
| 16:10 - 17:00   | 10   |       |       |       |                                       |                                      |                                    |
|                 |      |       |       |       |                                       |                                      |                                    |

| MÃ HP    | TÊN HỌC PHẦN                          | SỐ TIẾT       | GIẢNG VIÊN LÝ THUYẾT          | TRỢ GIẢNG | LOẠI HỌC PHẦN |
|----------|---------------------------------------|---------------|-------------------------------|-----------|---------------|
| BAA00014 | Anh văn 4                             | 30 LT + 30 TH |                               |           | BB KTGDĐC     |
| BAA00101 | Triết học Mác - Lênin                 | 45 LT + 0 TH  |                               |           | BB KTGDĐC     |
| BAA00005 | Kinh tế đại cương                     | 30 LT + 0 TH  |                               |           | TC KTGDĐC     |
| BAA00006 | Tâm lý đại cương                      | 30 LT + 0 TH  |                               |           | TC KTGDĐC     |
| BAA00007 | Phương pháp luận sáng tạo             | 30 LT + 0 TH  |                               |           | TC KTGDĐC     |
| MTH00052 | Phương pháp tính                      | 45 LT + 30 TH | (học chung lớp CQ2023/3 và 4) |           | TC KTGDĐC     |
| MTH00053 | Lý thuyết số                          | 45 LT + 30 TH | (học chung lớp CQ2023/5)      |           | TC KTGDĐC     |
| MTH00051 | Toán ứng dụng và thống kê             | 45 LT + 30 TH | Nguyễn Hữu Toàn               |           | TC KTGDĐC     |
| CSC10003 | Phương pháp lập trình hướng đối tượng | 45 LT + 30 TH | Trần Duy Hoàng                |           | Cơ sở ngành   |
| CSC10006 | Cơ sở dữ liệu                         | 45 LT + 30 TH | Nguyễn Ngọc Minh Châu         |           | Cơ sở ngành   |
| CSC10009 | Hệ thống máy tính                     | 30 LT + 0 TH  | Lê Viết Long                  |           | Cơ sở ngành   |

**THỜI KHÓA BIỂU LỚP CQ2023/2**  
**HỌC KỲ 2, NĂM HỌC 2024 - 2025**  
**Thời gian học LT: từ 24/02/2025 đến 15/06/2025**  
***Cơ sở: Linh Trung***

| Giờ BD - Giờ KT | Tiết | Thứ 2                                                                                                                                                                                        | Thứ 3 | Thứ 4                                      | Thứ 5                                         | Thứ 6                                       | Thứ 7 |
|-----------------|------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------|--------------------------------------------|-----------------------------------------------|---------------------------------------------|-------|
| 07:30 - 08:20   | 1    | <i>TH Hướng đối tượng<br/>N1, PMT-C202</i><br><br><i>TH Cơ sở dữ liệu<br/>N2, PMT-C201</i><br><br><i>TH Hướng đối tượng<br/>N2, PMT-C202</i><br><br><i>TH Cơ sở dữ liệu<br/>N1, PMT-C201</i> |       | <b>Cơ sở dữ liệu<br/>69SV<br/>cs2:F205</b> |                                               | <b>Toán ƯD và TKê<br/>75SV<br/>cs2:F304</b> |       |
| 08:20 - 09:10   | 2    |                                                                                                                                                                                              |       |                                            |                                               |                                             |       |
| 09:10 - 10:00   | 3    |                                                                                                                                                                                              |       |                                            |                                               |                                             |       |
| 10:10 - 11:00   | 4    |                                                                                                                                                                                              |       |                                            |                                               |                                             |       |
| 11:00 - 11:50   | 5    |                                                                                                                                                                                              |       |                                            |                                               |                                             |       |
| 12:40 - 13:30   | 6    | <b>Hệ thống máy tính<br/>72SV<br/>cs2:G202</b>                                                                                                                                               |       |                                            | <b>PP lập trình HĐT<br/>63SV<br/>cs2:G502</b> |                                             |       |
| 13:30 - 14:20   | 7    |                                                                                                                                                                                              |       |                                            |                                               |                                             |       |
| 14:20 - 15:10   | 8    |                                                                                                                                                                                              |       |                                            |                                               |                                             |       |
| 15:20 - 16:10   | 9    |                                                                                                                                                                                              |       |                                            |                                               |                                             |       |
| 16:10 - 17:00   | 10   |                                                                                                                                                                                              |       |                                            |                                               |                                             |       |

| MÃ HP    | TÊN HỌC PHẦN                          | SỐ TIẾT       | GIẢNG VIÊN LÝ THUYẾT      | TRỢ GIẢNG | LOẠI HỌC PHẦN |             |
|----------|---------------------------------------|---------------|---------------------------|-----------|---------------|-------------|
| BAA00014 | Anh văn 4                             | 30 LT + 30 TH |                           |           |               | BB KTGDĐC   |
| BAA00101 | Triết học Mác - Lênin                 | 45 LT + 0 TH  |                           |           |               | BB KTGDĐC   |
| BAA00005 | Kinh tế đại cương                     | 30 LT + 0 TH  | (học chung CQ2023/1)      |           |               | TC KTGDĐC   |
| BAA00006 | Tâm lý đại cương                      | 30 LT + 0 TH  | (học chung CQ2023/1)      |           |               | TC KTGDĐC   |
| BAA00007 | Phương pháp luận sáng tạo             | 30 LT + 0 TH  | (học chung CQ2023/1)      |           |               | TC KTGDĐC   |
| MTH00052 | Phương pháp tính                      | 45 LT + 30 TH | (học chung CQ2023/3 và 4) |           |               | TC KTGDĐC   |
| MTH00053 | Lý thuyết số                          | 45 LT + 30 TH | (học chung CQ2023/5)      |           |               | TC KTGDĐC   |
| MTH00051 | Toán ứng dụng và thống kê             | 45 LT + 30 TH | Trần Hà Sơn               |           |               | TC KTGDĐC   |
| CSC10003 | Phương pháp lập trình hướng đối tượng | 45 LT + 30 TH | Lê Khánh Duy              |           |               | Cơ sở ngành |
| CSC10006 | Cơ sở dữ liệu                         | 45 LT + 30 TH | Hồ Thị Hoàng Vy           |           |               | Cơ sở ngành |
| CSC10009 | Hệ thống máy tính                     | 30 LT + 0 TH  | Lê Viết Long              |           |               | Cơ sở ngành |

THỜI KHÓA BIỂU LỚP CQ2023/3

HOC KỲ 2, NĂM HỌC 2024 - 2025

Thời gian học LT: từ 24/02/2025 đến 15/06/2025

Cơ sở: Linh Trung

| Giờ BD - Giờ KT | Tiết | Thứ 2 | Thứ 3 | Thứ 4                                | Thứ 5                                | Thứ 6                              | Thứ 7                                 |
|-----------------|------|-------|-------|--------------------------------------|--------------------------------------|------------------------------------|---------------------------------------|
| 07:30 - 08:20   | 1    |       |       | PP lập trình HDT<br>72SV<br>cs2:G502 | Phương pháp tính<br>74SV<br>cs2:F307 | Cơ sở dữ liệu<br>74SV<br>cs2:G302  | Hệ thống máy tính<br>73SV<br>cs2:G302 |
| 08:20 - 09:10   | 2    |       |       |                                      |                                      |                                    |                                       |
| 09:10 - 10:00   | 3    |       |       |                                      |                                      |                                    |                                       |
| 10:10 - 11:00   | 4    |       |       |                                      |                                      |                                    |                                       |
| 11:00 - 11:50   | 5    |       |       |                                      |                                      |                                    |                                       |
| 12:40 - 13:30   | 6    |       |       |                                      | TH PPTính - N1<br>LT-PMD203          | TH Hướng đối tượng<br>N1, PMT-C202 |                                       |
| 13:30 - 14:20   | 7    |       |       |                                      |                                      | TH Cơ sở dữ liệu<br>N2, PMT-C201   |                                       |
| 14:20 - 15:10   | 8    |       |       |                                      | TH PPTính - N2<br>LT-PMD203          | TH Hướng đối tượng<br>N2, PMT-C202 |                                       |
| 15:20 - 16:10   | 9    |       |       |                                      |                                      | TH Cơ sở dữ liệu<br>N1, PMT-C201   |                                       |
| 16:10 - 17:00   | 10   |       |       |                                      |                                      |                                    |                                       |

| MÃ HP    | TÊN HỌC PHẦN                          | SỐ TIẾT       | GIẢNG VIÊN LÝ THUYẾT      | TRỢ GIẢNG | LOẠI HỌC PHẦN |
|----------|---------------------------------------|---------------|---------------------------|-----------|---------------|
| BAA00014 | Anh văn 4                             | 30 LT + 30 TH |                           |           | BB KTGDĐC     |
| BAA00101 | Triết học Mác - Lênin                 | 45 LT + 0 TH  |                           |           | BB KTGDĐC     |
| BAA00005 | Kinh tế đại cương                     | 30 LT + 0 TH  | (học chung CQ2023/1)      |           | TC KTGDĐC     |
| BAA00006 | Tâm lý đại cương                      | 30 LT + 0 TH  | (học chung CQ2023/1)      |           | TC KTGDĐC     |
| BAA00007 | Phương pháp luận sáng tạo             | 30 LT + 0 TH  | (học chung CQ2023/1)      |           | TC KTGDĐC     |
| MTH00051 | Toán ứng dụng và thống kê             | 45 LT + 30 TH | (học chung CQ2023/1 và 2) |           | TC KTGDĐC     |
| MTH00053 | Lý thuyết số                          | 45 LT + 30 TH | (học chung CQ2023/5)      |           | TC KTGDĐC     |
| MTH00052 | Phương pháp tính                      | 45 LT + 30 TH | Vũ Đỗ Huy Cường           |           | TC KTGDĐC     |
| CSC10003 | Phương pháp lập trình hướng đối tượng | 45 LT + 30 TH | Trần Duy Quang            |           | Cơ sở ngành   |
| CSC10006 | Cơ sở dữ liệu                         | 45 LT + 30 TH | Hồ Thị Hoàng Vy           |           | Cơ sở ngành   |
| CSC10009 | Hệ thống máy tính                     | 30 LT + 0 TH  | Lê Quốc Hòa               |           | Cơ sở ngành   |

**THỜI KHÓA BIỂU LỚP CQ2023/4**  
**HOC KỲ 2, NĂM HỌC 2024 - 2025**  
**Thời gian học LT: từ 24/02/2025 đến 15/06/2025**  
**Cơ sở: Linh Trung**

| Giờ BD - Giờ KT | Tiết | Thứ 2                                          | Thứ 3 | Thứ 4 | Thứ 5                                         | Thứ 6                                      | Thứ 7                                         |
|-----------------|------|------------------------------------------------|-------|-------|-----------------------------------------------|--------------------------------------------|-----------------------------------------------|
| 07:30 - 08:20   | 1    | <b>Hệ thống máy tính<br/>72SV<br/>cs2:G202</b> |       |       | <i>TH PPTính - N1<br/>LT-PMD203</i>           |                                            |                                               |
| 08:20 - 09:10   | 2    |                                                |       |       |                                               |                                            |                                               |
| 09:10 - 10:00   | 3    |                                                |       |       |                                               |                                            |                                               |
| 10:10 - 11:00   | 4    |                                                |       |       | <i>TH PPTính - N2<br/>LT-PMD203</i>           |                                            |                                               |
| 11:00 - 11:50   | 5    |                                                |       |       | <b>Phương pháp tính<br/>73SV<br/>cs2:E104</b> | <b>Cơ sở dữ liệu<br/>71SV<br/>cs2:G302</b> | <b>PP lập trình HDT<br/>72SV<br/>cs2:G302</b> |
| 12:40 - 13:30   | 6    | <i>TH Hướng đối tượng<br/>N1, PMT-C202</i>     |       |       |                                               |                                            |                                               |
| 13:30 - 14:20   | 7    | <i>TH Cơ sở dữ liệu<br/>N2, PMT-C201</i>       |       |       |                                               |                                            |                                               |
| 14:20 - 15:10   | 8    | <i>TH Hướng đối tượng<br/>N2, PMT-C202</i>     |       |       |                                               |                                            |                                               |
| 15:20 - 16:10   | 9    |                                                |       |       |                                               |                                            |                                               |
| 16:10 - 17:00   | 10   | <i>TH Cơ sở dữ liệu<br/>N1, PMT-C201</i>       |       |       |                                               |                                            |                                               |
|                 |      |                                                |       |       |                                               |                                            |                                               |

| MÃ HP    | TÊN HỌC PHẦN                          | SỐ TIẾT       | GIẢNG VIÊN LÝ THUYẾT               | TRỢ GIẢNG | LOẠI HỌC PHẦN |
|----------|---------------------------------------|---------------|------------------------------------|-----------|---------------|
| BAA00014 | Anh văn 4                             | 30 LT + 30 TH |                                    |           | BB KTGĐĐC     |
| BAA00101 | Triết học Mác - Lênin                 | 45 LT + 0 TH  |                                    |           | BB KTGĐĐC     |
| BAA00005 | Kinh tế đại cương                     | 30 LT + 0 TH  | <i>(học chung CQ2023/1)</i>        |           | TC KTGĐĐC     |
| BAA00006 | Tâm lý đại cương                      | 30 LT + 0 TH  | <i>(học chung CQ2023/1)</i>        |           | TC KTGĐĐC     |
| BAA00007 | Phương pháp luận sáng tạo             | 30 LT + 0 TH  | <i>(học chung CQ2023/1)</i>        |           | TC KTGĐĐC     |
| MTH00051 | Toán ứng dụng và thống kê             | 45 LT + 30 TH | <i>(học chung CQ2023/1 hoặc 2)</i> |           | TC KTGĐĐC     |
| MTH00053 | Lý thuyết số                          | 45 LT + 30 TH | <i>(học chung CQ2023/5)</i>        |           | TC KTGĐĐC     |
| MTH00052 | Phương pháp tính                      | 45 LT + 30 TH | <i>Vũ Đỗ Huy Cường</i>             |           | TC KTGĐĐC     |
| CSC10003 | Phương pháp lập trình hướng đối tượng | 45 LT + 30 TH | Hồ Tuấn Thanh                      |           | Cơ sở ngành   |
| CSC10006 | Cơ sở dữ liệu                         | 45 LT + 30 TH | Lương Hán Cơ                       |           | Cơ sở ngành   |
| CSC10009 | Hệ thống máy tính                     | 30 LT + 0 TH  | Nguyễn Hồng Bửu Long               |           | Cơ sở ngành   |

**THỜI KHÓA BIỂU LỚP CQ2023/5**  
**HOC KỲ 2, NĂM HỌC 2024 - 2025**  
**Thời gian học LT: từ 24/02/2025 đến 15/06/2025**  
**Cơ sở: Linh Trung**

| Giờ BD - Giờ KT | Tiết | Thứ 2                             | Thứ 3                              | Thứ 4 | Thứ 5                                | Thứ 6 | Thứ 7                                 |
|-----------------|------|-----------------------------------|------------------------------------|-------|--------------------------------------|-------|---------------------------------------|
| 07:30 - 08:20   | 1    |                                   | TH Hướng đối tượng<br>N1, PMT-C202 |       | PP lập trình HĐT<br>75SV<br>cs2:G502 |       |                                       |
| 08:20 - 09:10   | 2    |                                   | TH Cơ sở dữ liệu<br>N2, PMT-C201   |       |                                      |       |                                       |
| 09:10 - 10:00   | 3    |                                   | TH Hướng đối tượng<br>N2, PMT-C202 |       |                                      |       |                                       |
| 10:10 - 11:00   | 4    |                                   | TH Cơ sở dữ liệu<br>N1, PMT-C201   |       |                                      |       |                                       |
| 11:00 - 11:50   | 5    |                                   |                                    |       |                                      |       |                                       |
| 12:40 - 13:30   | 6    | Cơ sở dữ liệu<br>71SV<br>cs2:F302 | Lý thuyết số<br>74SV<br>cs2:F106   |       | TH Lý thuyết số<br>N1, PMT-D204      |       | Hệ thống máy tính<br>72SV<br>cs2:G202 |
| 13:30 - 14:20   | 7    |                                   |                                    |       |                                      |       |                                       |
| 14:20 - 15:10   | 8    |                                   |                                    |       |                                      |       |                                       |
| 15:20 - 16:10   | 9    |                                   |                                    |       | TH Lý thuyết số<br>N2, PMT-D204      |       |                                       |
| 16:10 - 17:00   | 10   |                                   |                                    |       |                                      |       |                                       |
|                 |      |                                   |                                    |       |                                      |       |                                       |

| MÃ HP    | TÊN HỌC PHẦN                          | SỐ TIẾT       | GIẢNG VIÊN LÝ THUYẾT          | TRỢ GIẢNG | LOẠI HỌC PHẦN |
|----------|---------------------------------------|---------------|-------------------------------|-----------|---------------|
| BAA00014 | Anh văn 4                             | 30 LT + 30 TH |                               |           | BB KTGDĐC     |
| BAA00101 | Triết học Mác - Lênin                 | 45 LT + 0 TH  |                               |           | BB KTGDĐC     |
| BAA00005 | Kinh tế đại cương                     | 30 LT + 0 TH  | (học chung CQ)                |           | TC KTGDĐC     |
| BAA00006 | Tâm lý đại cương                      | 30 LT + 0 TH  | (học chung CQ)                |           | TC KTGDĐC     |
| BAA00007 | Phương pháp luận sáng tạo             | 30 LT + 0 TH  | (học chung CQ)                |           | TC KTGDĐC     |
| MTH00051 | Toán ứng dụng và thống kê             | 45 LT + 30 TH | (học chung lớp CQ2022/2 và 3) |           | TC KTGDĐC     |
| MTH00052 | Phương pháp tính                      | 45 LT + 30 TH | (học chung lớp CQ2022/4 và 5) |           | TC KTGDĐC     |
| MTH00053 | Lý thuyết số                          | 45 LT + 30 TH | Nguyễn Văn Thìn (A)           |           | TC KTGDĐC     |
| CSC10003 | Phương pháp lập trình hướng đối tượng | 45 LT + 30 TH | Phạm Nguyễn Sơn Tùng          |           | Cơ sở ngành   |
| CSC10006 | Cơ sở dữ liệu                         | 45 LT + 30 TH | Phạm Thị Bạch Huệ             |           | Cơ sở ngành   |
| CSC10009 | Hệ thống máy tính                     | 30 LT + 0 TH  | Phạm Tuấn Sơn                 |           | Cơ sở ngành   |

# THỜI KHÓA BIỂU LỚP CQ2023/6

HOC KỲ 2, NĂM HỌC 2024 - 2025

Thời gian học LT: từ 24/02/2025 đến 15/06/2025

Cơ sở: Linh Trung

| Giờ BD - Giờ KT | Tiết | Thứ 2 | Thứ 3 | Thứ 4                                     | Thứ 5                           | Thứ 6 | Thứ 7                                  |
|-----------------|------|-------|-------|-------------------------------------------|---------------------------------|-------|----------------------------------------|
|                 |      |       |       |                                           |                                 |       |                                        |
| 07:30 - 08:20   | 1    |       |       | TH Nhập môn lập trình<br>N1, LT-PMC201    |                                 |       | Kỹ thuật lập trình<br>47SV<br>cs2:G202 |
| 08:20 - 09:10   | 2    |       |       | TH Kỹ thuật lập trình<br>N2, LT-PMC202    |                                 |       |                                        |
| 09:10 - 10:00   | 3    |       |       | TH Nhập môn lập trình<br>N2, LT-PMC201    |                                 |       |                                        |
| 10:10 - 11:00   | 4    |       |       | TH Kỹ thuật lập trình<br>N1, LT-PMC202    |                                 |       |                                        |
| 11:00 - 11:50   | 5    |       |       |                                           |                                 |       |                                        |
| 12:40 - 13:30   | 6    |       |       | Nhập môn lập trình<br>78SV<br>cs2:NĐH 8.7 | LT Ứ'D Java<br>51SV<br>cs2:F307 |       | Mạng máy tính<br>20SV<br>cs2:E104      |
| 13:30 - 14:20   | 7    |       |       |                                           |                                 |       |                                        |
| 14:20 - 15:10   | 8    |       |       |                                           |                                 |       |                                        |
| 15:20 - 16:10   | 9    |       |       |                                           |                                 |       |                                        |
| 16:10 - 17:00   | 10   |       |       |                                           |                                 |       |                                        |
|                 |      |       |       |                                           |                                 |       |                                        |

| MÃ HP    | TÊN HỌC PHẦN            | SỐ TIẾT       | GIẢNG VIÊN LÝ THUYẾT | TRỢ GIẢNG | LOẠI HỌC PHẦN |               |
|----------|-------------------------|---------------|----------------------|-----------|---------------|---------------|
| CSC13102 | Lập trình ứng dụng Java | 45 LT + 30 TH | Nguyễn Văn Khiết     |           |               | TC ngành KTPM |
| CSC10001 | Nhập môn lập trình      | 45 LT + 30 TH | Đậu Ngọc Hà Dương    |           |               | Cơ sở ngành   |
| CSC10002 | Kỹ thuật lập trình      | 45 LT + 30 TH | Phạm Minh Tuấn       |           |               | Cơ sở ngành   |
| CSC10008 | Mạng máy tính           | 45 LT + 30 TH | Huỳnh Thụy Bảo Trân  |           |               | Cơ sở ngành   |

THỜI KHÓA BIỂU LỚP CNTN2024

HOC KỲ 2, NĂM HỌC 2024 - 2025

Thời gian học LT: từ 24/02/2025 đến 15/06/2025

*Cơ sở: Linh Trung*

| Giờ BD - Giờ KT | Tiết | Thứ 2                                | Thứ 3                                  | Thứ 4                                          | Thứ 5                          | Thứ 6                                       | Thứ 7                         |
|-----------------|------|--------------------------------------|----------------------------------------|------------------------------------------------|--------------------------------|---------------------------------------------|-------------------------------|
| 07:30 - 08:20   | 1    |                                      | TH CTDL và Giải thuật<br>N1, LT-PMD203 | CTDL và Giải thuật<br>43SV<br>cs2: F102 (CDIO) | Vật lý đại cương 1<br>cs2:F103 |                                             | Đại số tuyến tính<br>cs2:F104 |
| 08:20 - 09:10   | 2    |                                      |                                        |                                                |                                |                                             |                               |
| 09:10 - 10:00   | 3    |                                      |                                        |                                                |                                |                                             |                               |
| 10:10 - 11:00   | 4    |                                      |                                        |                                                |                                |                                             |                               |
| 11:00 - 11:50   | 5    |                                      |                                        |                                                |                                |                                             |                               |
| 12:40 - 13:30   | 6    | TH Vi tích phân 2<br>N2, PMT_NĐH 4.3 | Vi tích phân 2<br>cs2:E202             | Pháp luật đại cương<br>cs2:F104                |                                |                                             |                               |
| 13:30 - 14:20   | 7    | TH ĐS tuyến tính<br>N1, PMT_NĐH 4.5  |                                        |                                                |                                | Kỹ năng mềm<br>(Tiết 8-10, lịch cơ sở NVCừ) |                               |
| 14:20 - 15:10   | 8    | TH Vi tích phân 2<br>N1, PMT_NĐH 4.3 |                                        |                                                |                                | 43SV<br>cs1:F301                            |                               |
| 15:20 - 16:10   | 9    |                                      |                                        |                                                |                                |                                             |                               |
| 16:10 - 17:00   | 10   | TH ĐS tuyến tính<br>N2, PMT_NĐH 4.5  |                                        |                                                |                                |                                             |                               |
|                 |      |                                      |                                        |                                                |                                |                                             |                               |

| MÃ HP    | TÊN HỌC PHẦN                    | SỐ TIẾT       | GIẢNG VIÊN LÝ THUYẾT | TRỢ GIẢNG | LOẠI HỌC PHẦN |
|----------|---------------------------------|---------------|----------------------|-----------|---------------|
| BAA00022 | Thế dục 2                       | 15 LT + 30 TH |                      |           | BB KTGDĐC     |
| BAA00012 | Anh văn 2                       | 30 LT + 30 TH |                      |           | BB KTGDĐC     |
| BAA00004 | Pháp luật đại cương             | 45 LT + 0 TH  |                      |           | BB KTGDĐC     |
| CHE00001 | Hóa đại cương 1                 | 30 LT + 0 TH  | (học chung CQ)       |           | TC KTGDĐC     |
| CHE00081 | Thực hành Hóa đại cương 1       | 0 LT + 60 TH  | (học chung CQ)       |           | TC KTGDĐC     |
| BIO00001 | Sinh đại cương 1                | 45 LT + 0 TH  | (học chung CQ)       |           | TC KTGDĐC     |
| BIO00081 | Thực tập Sinh đại cương 1       | 0 LT + 30 TH  | (học chung CQ)       |           | TC KTGDĐC     |
| PHY00001 | Vật lý đại cương 1 (Cơ - Nhiệt) | 45 LT + 0 TH  | (học chung CQ)       |           | TC KTGDĐC     |
| PHY00081 | Thực hành Vật lý đại cương      | 0 LT + 60 TH  | (học chung CQ)       |           | TC KTGDĐC     |
| MTH00022 | Vi tích phân 2                  | 45 LT + 30 TH | (học chung 24TNT1)   |           | BB KTGDĐC     |
| MTH00035 | Đại số tuyến tính               | 45 LT + 30 TH | (học chung 24TNT1)   |           | BB KTGDĐC     |
| CSC10004 | Cấu trúc dữ liệu và giải thuật  | 45 LT + 30 TH | Nguyễn Thanh Phương  |           | Cơ sở ngành   |
| CSC10121 | Kỹ năng mềm                     | 30 LT + 30 TH | Dương Nguyễn Vũ      |           | TC chung      |

**THỜI KHÓA BIỂU LỚP TTNT2024**  
**HỌC KỲ 2, NĂM HỌC 2024 - 2025**  
**Thời gian học LT: từ 24/02/2025 đến 15/06/2025**  
**Cơ sở: Linh Trung**

| Giờ BD - Giờ KT | Tiết | Thứ 2 | Thứ 3                                           | Thứ 4                                   | Thứ 5                                  | Thứ 6 | Thứ 7                                 |
|-----------------|------|-------|-------------------------------------------------|-----------------------------------------|----------------------------------------|-------|---------------------------------------|
| 07:30 - 08:20   | 1    |       | <b>CTDL và Giải thuật<br/>32SV<br/>cs2:F308</b> | TH CTDL và Giải thuật<br>N1, LT-PMD203  | <b>Vật lý đại cương 1<br/>cs2:F103</b> |       | <b>Đại số tuyến tính<br/>cs2:F104</b> |
| 08:20 - 09:10   | 2    |       |                                                 |                                         |                                        |       |                                       |
| 09:10 - 10:00   | 3    |       |                                                 |                                         |                                        |       |                                       |
| 10:10 - 11:00   | 4    |       |                                                 | TH CTDL và Giải thuật<br>N2, LT-PMD203  |                                        |       |                                       |
| 11:00 - 11:50   | 5    |       |                                                 |                                         |                                        |       |                                       |
| 12:40 - 13:30   | 6    |       | <b>Vi tích phân 2<br/>cs2:E202</b>              | <b>Pháp luật đại cương<br/>cs2:F104</b> | TH Vi tích phân 2<br>N1, PMT_NĐH 4.3   |       |                                       |
| 13:30 - 14:20   | 7    |       |                                                 |                                         | TH ĐS tuyến tính<br>N2, PMT_NĐH 4.5    |       |                                       |
| 14:20 - 15:10   | 8    |       |                                                 |                                         | TH Vi tích phân 2<br>N2, PMT_NĐH 4.3   |       |                                       |
| 15:20 - 16:10   | 9    |       |                                                 |                                         |                                        |       |                                       |
| 16:10 - 17:00   | 10   |       |                                                 |                                         | TH ĐS tuyến tính<br>N1, PMT_NĐH 4.5    |       |                                       |
|                 |      |       |                                                 |                                         |                                        |       |                                       |

| MÃ HP    | TÊN HỌC PHẦN                    | SỐ TIẾT       | GIẢNG VIÊN LÝ THUYẾT | TRỢ GIẢNG | LOẠI HỌC PHẦN |             |
|----------|---------------------------------|---------------|----------------------|-----------|---------------|-------------|
| BAA00022 | Thế dục 2                       | 15 LT + 30 TH |                      |           |               | BB KTGDĐC   |
| BAA00012 | Anh văn 2                       | 30 LT + 30 TH |                      |           |               | BB KTGDĐC   |
| BAA00004 | Pháp luật đại cương             | 45 LT + 0 TH  |                      |           |               | BB KTGDĐC   |
| CHE00001 | Hóa đại cương 1                 | 30 LT + 0 TH  | (học chung CQ)       |           |               | TC KTGDĐC   |
| CHE00081 | Thực hành Hóa đại cương 1       | 0 LT + 60 TH  | (học chung CQ)       |           |               | TC KTGDĐC   |
| BIO00001 | Sinh đại cương 1                | 45 LT + 0 TH  | (học chung CQ)       |           |               | TC KTGDĐC   |
| BIO00081 | Thực tập Sinh đại cương 1       | 0 LT + 30 TH  | (học chung CQ)       |           |               | TC KTGDĐC   |
| PHY00001 | Vật lý đại cương 1 (Cơ - Nhiệt) | 45 LT + 0 TH  | (học chung CQ)       |           |               | TC KTGDĐC   |
| PHY00081 | Thực hành Vật lý đại cương      | 0 LT + 60 TH  | (học chung CQ)       |           |               | TC KTGDĐC   |
| MTH00022 | Vi tích phân 2                  | 45 LT + 30 TH |                      |           |               | BB KTGDĐC   |
| MTH00035 | Đại số tuyến tính               | 45 LT + 30 TH |                      |           |               | BB KTGDĐC   |
| CSC10004 | Cấu trúc dữ liệu và giải thuật  | 45 LT + 30 TH | Lê Ngọc Thành        |           |               | Cơ sở ngành |

THỜI KHÓA BIỂU LỚP CQ2024/1

HỌC KỲ 2, NĂM HỌC 2024 - 2025

Thời gian học LT: từ 24/02/2025 đến 15/06/2025

*Cơ sở: Linh Trung*

| Giờ BD - Giờ KT | Tiết | Thứ 2                                          | Thứ 3                                        | Thứ 4                                           | Thứ 5                              | Thứ 6                                   | Thứ 7 |  |  |  |  |
|-----------------|------|------------------------------------------------|----------------------------------------------|-------------------------------------------------|------------------------------------|-----------------------------------------|-------|--|--|--|--|
|                 |      |                                                |                                              |                                                 |                                    |                                         |       |  |  |  |  |
| 07:30 - 08:20   | 1    | <b>Đại số tuyến tính<br/>cs2:E106</b>          | <b>Vật lý đại cương 1<br/>cs2:F107</b>       | <b>CTDL và Giải thuật<br/>79SV<br/>cs2:E202</b> |                                    |                                         |       |  |  |  |  |
| 08:20 - 09:10   | 2    |                                                |                                              |                                                 |                                    |                                         |       |  |  |  |  |
| 09:10 - 10:00   | 3    |                                                |                                              |                                                 |                                    |                                         |       |  |  |  |  |
| 10:10 - 11:00   | 4    |                                                |                                              |                                                 |                                    |                                         |       |  |  |  |  |
| 11:00 - 11:50   | 5    |                                                |                                              |                                                 |                                    |                                         |       |  |  |  |  |
| 12:40 - 13:30   | 6    | <b>TH CTDL và Giải thuật<br/>N1, LT-PMD203</b> | <i>TH ĐS tuyến tính<br/>N1, PMT_NĐH 4.5</i>  |                                                 | <b>Vi tích phân 2<br/>cs2:F107</b> | <b>Pháp luật đại cương<br/>cs2:D106</b> |       |  |  |  |  |
| 13:30 - 14:20   | 7    |                                                | <i>TH Vi tích phân 2<br/>N2, PMT_NĐH 4.3</i> |                                                 |                                    |                                         |       |  |  |  |  |
| 14:20 - 15:10   | 8    |                                                | <i>TH ĐS tuyến tính<br/>N2, PMT_NĐH 4.5</i>  |                                                 |                                    |                                         |       |  |  |  |  |
| 15:20 - 16:10   | 9    | <b>TH CTDL và Giải thuật<br/>N2, LT-PMD203</b> | <i>TH Vi tích phân 2<br/>N1, PMT_NĐH 4.3</i> |                                                 |                                    |                                         |       |  |  |  |  |
| 16:10 - 17:00   | 10   |                                                |                                              |                                                 |                                    |                                         |       |  |  |  |  |
|                 |      |                                                |                                              |                                                 |                                    |                                         |       |  |  |  |  |

| MÃ HP    | TÊN HỌC PHẦN                    | SỐ TIẾT       | GIẢNG VIÊN LÝ THUYẾT  | TRỢ GIẢNG | LOẠI HỌC PHẦN |
|----------|---------------------------------|---------------|-----------------------|-----------|---------------|
| BAA00022 | Thế dục 2                       | 15 LT + 30 TH |                       |           | BB KTGDĐC     |
| BAA00012 | Anh văn 2                       | 30 LT + 30 TH |                       |           | BB KTGDĐC     |
| BAA00004 | Pháp luật đại cương             | 45 LT + 0 TH  |                       |           | BB KTGDĐC     |
| CHE00001 | Hóa đại cương 1                 | 30 LT + 0 TH  | <i>(học chung CQ)</i> |           | TC KTGDĐC     |
| CHE00081 | Thực hành Hóa đại cương 1       | 0 LT + 60 TH  | <i>(học chung CQ)</i> |           | TC KTGDĐC     |
| BIO00001 | Sinh đại cương 1                | 45 LT + 0 TH  | <i>(học chung CQ)</i> |           | TC KTGDĐC     |
| BIO00081 | Thực tập Sinh đại cương 1       | 0 LT + 30 TH  | <i>(học chung CQ)</i> |           | TC KTGDĐC     |
| PHY00001 | Vật lý đại cương 1 (Cơ - Nhiệt) | 45 LT + 0 TH  | <i>(học chung CQ)</i> |           | TC KTGDĐC     |
| PHY00081 | Thực hành Vật lý đại cương      | 0 LT + 60 TH  | <i>(học chung CQ)</i> |           | TC KTGDĐC     |
| MTH00022 | Vi tích phân 2                  | 45 LT + 30 TH |                       |           | BB KTGDĐC     |
| MTH00035 | Đại số tuyến tính               | 45 LT + 30 TH |                       |           | BB KTGDĐC     |
| CSC10004 | Cấu trúc dữ liệu và giải thuật  | 45 LT + 30 TH | Lê Hoàng Thái         |           | Cơ sở ngành   |

**THỜI KHÓA BIỂU LỚP CQ2024/2**

**HOC KỲ 2, NĂM HỌC 2024 - 2025**

**Thời gian học LT: từ 24/02/2025 đến 15/06/2025**

***Cơ sở: Linh Trung***

| Giờ BD - Giờ KT | Tiết | Thứ 2                                          | Thứ 3                                        | Thứ 4                                           | Thứ 5                              | Thứ 6                                  | Thứ 7 |
|-----------------|------|------------------------------------------------|----------------------------------------------|-------------------------------------------------|------------------------------------|----------------------------------------|-------|
| 07:30 - 08:20   | 1    | <b>TH CTDL và Giải thuật<br/>N1, LT-PMD203</b> | <i>TH ĐS tuyến tính<br/>N1, PMT_NĐH 4.5</i>  |                                                 | <b>Vi tích phân 2<br/>cs2:F201</b> |                                        |       |
| 08:20 - 09:10   | 2    |                                                |                                              |                                                 |                                    |                                        |       |
| 09:10 - 10:00   | 3    |                                                | <i>TH Vi tích phân 2<br/>N2, PMT_NĐH 4.3</i> |                                                 |                                    |                                        |       |
| 10:10 - 11:00   | 4    |                                                | <i>TH ĐS tuyến tính<br/>N2, PMT_NĐH 4.5</i>  |                                                 |                                    |                                        |       |
| 11:00 - 11:50   | 5    |                                                | <i>TH Vi tích phân 2<br/>N1, PMT_NĐH 4.3</i> |                                                 |                                    |                                        |       |
| 12:40 - 13:30   | 6    | <b>Đại số tuyến tính<br/>cs2:E106</b>          | <b>Pháp luật đại cương<br/>cs2:E201</b>      | <b>CTDL và Giải thuật<br/>80SV<br/>cs2:D106</b> |                                    | <b>Vật lý đại cương 1<br/>cs2:D211</b> |       |
| 13:30 - 14:20   | 7    |                                                |                                              |                                                 |                                    |                                        |       |
| 14:20 - 15:10   | 8    |                                                |                                              |                                                 |                                    |                                        |       |
| 15:20 - 16:10   | 9    |                                                |                                              |                                                 |                                    |                                        |       |
| 16:10 - 17:00   | 10   |                                                |                                              |                                                 |                                    |                                        |       |
|                 |      |                                                |                                              |                                                 |                                    |                                        |       |

| MÃ HP    | TÊN HỌC PHẦN                    | SỐ TIẾT       | GIẢNG VIÊN LÝ THUYẾT  | TRỢ GIẢNG | LOẠI HỌC PHẦN |             |
|----------|---------------------------------|---------------|-----------------------|-----------|---------------|-------------|
| BAA00022 | Thế dục 2                       | 15 LT + 30 TH |                       |           |               | BB KTGDĐC   |
| BAA00012 | Anh văn 2                       | 30 LT + 30 TH |                       |           |               | BB KTGDĐC   |
| BAA00004 | Pháp luật đại cương             | 45 LT + 0 TH  |                       |           |               | BB KTGDĐC   |
| CHE00001 | Hóa đại cương 1                 | 30 LT + 0 TH  | <i>(học chung CQ)</i> |           |               | TC KTGDĐC   |
| CHE00081 | Thực hành Hóa đại cương 1       | 0 LT + 60 TH  | <i>(học chung CQ)</i> |           |               | TC KTGDĐC   |
| BIO00001 | Sinh đại cương 1                | 45 LT + 0 TH  | <i>(học chung CQ)</i> |           |               | TC KTGDĐC   |
| BIO00081 | Thực tập Sinh đại cương 1       | 0 LT + 30 TH  | <i>(học chung CQ)</i> |           |               | TC KTGDĐC   |
| PHY00001 | Vật lý đại cương 1 (Cơ - Nhiệt) | 45 LT + 0 TH  | <i>(học chung CQ)</i> |           |               | TC KTGDĐC   |
| PHY00081 | Thực hành Vật lý đại cương      | 0 LT + 60 TH  | <i>(học chung CQ)</i> |           |               | TC KTGDĐC   |
| MTH00022 | Vi tích phân 2                  | 45 LT + 30 TH |                       |           |               | BB KTGDĐC   |
| MTH00035 | Đại số tuyến tính               | 45 LT + 30 TH |                       |           |               | BB KTGDĐC   |
| CSC10004 | Cấu trúc dữ liệu và giải thuật  | 45 LT + 30 TH | Bùi Tiến Lên          |           |               | Cơ sở ngành |

**THỜI KHÓA BIỂU LỚP CQ2024/3**  
**HỌC KỲ 2, NĂM HỌC 2024 - 2025**  
**Thời gian học LT: từ 24/02/2025 đến 15/06/2025**  
**Cơ sở: Linh Trung**

| Giờ BD - Giờ KT | Tiết | Thứ 2                                         | Thứ 3                                  | Thứ 4                                   | Thứ 5 | Thứ 6 | Thứ 7                             |
|-----------------|------|-----------------------------------------------|----------------------------------------|-----------------------------------------|-------|-------|-----------------------------------|
| 07:30 - 08:20   | 1    | <b>Vật lý đại cương 1</b><br>cs2:F208         | <b>Pháp luật đại cương</b><br>cs2:E201 | TH ĐS tuyển tính<br>N1, PMT_NĐH 4.5     |       |       |                                   |
| 08:20 - 09:10   | 2    |                                               |                                        | TH Vi tích phân 2<br>N2, PMT_NĐH 4.3    |       |       |                                   |
| 09:10 - 10:00   | 3    |                                               |                                        | TH ĐS tuyển tính<br>N2, PMT_NĐH 4.5     |       |       |                                   |
| 10:10 - 11:00   | 4    |                                               |                                        | TH Vi tích phân 2<br>N1, PMT_NĐH 4.3    |       |       |                                   |
| 11:00 - 11:50   | 5    |                                               |                                        |                                         |       |       |                                   |
| 12:40 - 13:30   | 6    | <b>CTDL và Giải thuật</b><br>74SV<br>cs2:F301 | <b>Đại số tuyến tính</b><br>cs2:D103   | TH CTDL và Giải thuật<br>N1, LT-PMCD203 |       |       | <b>Vi tích phân 2</b><br>cs2:E202 |
| 13:30 - 14:20   | 7    |                                               |                                        |                                         |       |       |                                   |
| 14:20 - 15:10   | 8    |                                               |                                        | TH CTDL và Giải thuật<br>N2, LT-PMD203  |       |       |                                   |
| 15:20 - 16:10   | 9    |                                               |                                        |                                         |       |       |                                   |
| 16:10 - 17:00   | 10   |                                               |                                        |                                         |       |       |                                   |
|                 |      |                                               |                                        |                                         |       |       |                                   |

| MÃ HP    | TÊN HỌC PHẦN                    | SỐ TIẾT       | GIẢNG VIÊN LÝ THUYẾT | TRỢ GIẢNG | LOẠI HỌC PHẦN |
|----------|---------------------------------|---------------|----------------------|-----------|---------------|
| BAA00022 | Thể dục 2                       | 15 LT + 30 TH |                      |           | BB KTGDĐC     |
| BAA00012 | Anh văn 2                       | 30 LT + 30 TH |                      |           | BB KTGDĐC     |
| BAA00004 | Pháp luật đại cương             | 45 LT + 0 TH  |                      |           | BB KTGDĐC     |
| CHE00001 | Hóa đại cương 1                 | 30 LT + 0 TH  | (học chung CQ)       |           | TC KTGDĐC     |
| CHE00081 | Thực hành Hóa đại cương 1       | 0 LT + 60 TH  | (học chung CQ)       |           | TC KTGDĐC     |
| BIO00001 | Sinh đại cương 1                | 45 LT + 0 TH  | (học chung CQ)       |           | TC KTGDĐC     |
| BIO00081 | Thực tập Sinh đại cương 1       | 0 LT + 30 TH  | (học chung CQ)       |           | TC KTGDĐC     |
| PHY00001 | Vật lý đại cương 1 (Cơ - Nhiệt) | 45 LT + 0 TH  | (học chung CQ)       |           | TC KTGDĐC     |
| PHY00081 | Thực hành Vật lý đại cương      | 0 LT + 60 TH  | (học chung CQ)       |           | TC KTGDĐC     |
| MTH00022 | Vi tích phân 2                  | 45 LT + 30 TH |                      |           | BB KTGDĐC     |
| MTH00035 | Đại số tuyến tính               | 45 LT + 30 TH |                      |           | BB KTGDĐC     |
| CSC10004 | Cấu trúc dữ liệu và giải thuật  | 45 LT + 30 TH | Bùi Văn Thạch        |           | Cơ sở ngành   |

THỜI KHÓA BIỂU LỚP CQ2024/4  
HỌC KỲ 2, NĂM HỌC 2024 - 2025  
Thời gian học LT: từ 24/02/2025 đến 15/06/2025  
Cơ sở: Linh Trung

| Giờ BD - Giờ KT | Tiết | Thứ 2                               | Thứ 3                                   | Thứ 4                          | Thứ 5                                | Thứ 6                                  | Thứ 7 |
|-----------------|------|-------------------------------------|-----------------------------------------|--------------------------------|--------------------------------------|----------------------------------------|-------|
|                 |      |                                     |                                         |                                |                                      |                                        |       |
| 07:30 - 08:20   | 1    | TH ĐS tuyến tính<br>N2, PMT_NĐH 4.2 |                                         | Vật lý đại cương 1<br>cs2:D212 | TH Vi tích phân 2<br>N1, PMT_NĐH 4.4 | CTDL và Giải thuật<br>79SV<br>cs2:D212 |       |
| 08:20 - 09:10   | 2    |                                     |                                         |                                |                                      |                                        |       |
| 09:10 - 10:00   | 3    |                                     |                                         |                                |                                      |                                        |       |
| 10:10 - 11:00   | 4    | TH ĐS tuyến tính<br>N1, PMT_NĐH 4.2 |                                         |                                | TH Vi tích phân 2<br>N2, PMT_NĐH 4.4 |                                        |       |
| 11:00 - 11:50   | 5    |                                     |                                         |                                |                                      |                                        |       |
| 12:40 - 13:30   | 6    | Vi tích phân 2<br>cs2:E201          | TH CTDL và Giải thuật<br>N1, LT-PMCD203 | Đại số tuyến tính<br>cs2:E202  | Pháp luật đại cương<br>cs2:E202      |                                        |       |
| 13:30 - 14:20   | 7    |                                     |                                         |                                |                                      |                                        |       |
| 14:20 - 15:10   | 8    |                                     |                                         |                                |                                      |                                        |       |
| 15:20 - 16:10   | 9    |                                     | TH CTDL và Giải thuật<br>N2, LT-PMD203  |                                |                                      |                                        |       |
| 16:10 - 17:00   | 10   |                                     |                                         |                                |                                      |                                        |       |
|                 |      |                                     |                                         |                                |                                      |                                        |       |

| MÃ HP    | TÊN HỌC PHẦN                    | SỐ TIẾT       | GIẢNG VIÊN LÝ THUYẾT | TRỢ GIẢNG | LOẠI HỌC PHẦN |
|----------|---------------------------------|---------------|----------------------|-----------|---------------|
| BAA00022 | Thể dục 2                       | 15 LT + 30 TH |                      |           | BB KTGDĐC     |
| BAA00012 | Anh văn 2                       | 30 LT + 30 TH |                      |           | BB KTGDĐC     |
| BAA00004 | Pháp luật đại cương             | 45 LT + 0 TH  |                      |           | BB KTGDĐC     |
| CHE00001 | Hóa đại cương 1                 | 30 LT + 0 TH  | (học chung CQ)       |           | TC KTGDĐC     |
| CHE00081 | Thực hành Hóa đại cương 1       | 0 LT + 60 TH  | (học chung CQ)       |           | TC KTGDĐC     |
| BIO00001 | Sinh đại cương 1                | 45 LT + 0 TH  | (học chung CQ)       |           | TC KTGDĐC     |
| BIO00081 | Thực tập Sinh đại cương 1       | 0 LT + 30 TH  | (học chung CQ)       |           | TC KTGDĐC     |
| PHY00001 | Vật lý đại cương 1 (Cơ - Nhiệt) | 45 LT + 0 TH  | (học chung CQ)       |           | TC KTGDĐC     |
| PHY00081 | Thực hành Vật lý đại cương      | 0 LT + 60 TH  | (học chung CQ)       |           | TC KTGDĐC     |
| MTH00022 | Vi tích phân 2                  | 45 LT + 30 TH |                      |           | BB KTGDĐC     |
| MTH00035 | Đại số tuyến tính               | 45 LT + 30 TH |                      |           | BB KTGDĐC     |
| CSC10004 | Cấu trúc dữ liệu và giải thuật  | 45 LT + 30 TH | Văn Chí Nam          |           | Cơ sở ngành   |

**THỜI KHÓA BIỂU LỚP CQ2024/5**  
**HỌC KỲ 2, NĂM HỌC 2024 - 2025**  
**Thời gian học LT: từ 24/02/2025 đến 15/06/2025**  
**Cơ sở: Linh Trung**

| Giờ BD - Giờ KT | Tiết | Thứ 2                          | Thứ 3 | Thứ 4                           | Thứ 5                                  | Thứ 6                                  | Thứ 7                                |
|-----------------|------|--------------------------------|-------|---------------------------------|----------------------------------------|----------------------------------------|--------------------------------------|
| 07:30 - 08:20   | 1    | Vi tích phân 2<br>cs2:E103     |       | Pháp luật đại cương<br>cs2:F107 | Đại số tuyến tính<br>cs2:F208          | TH CTDL và Giải thuật<br>N1, LT-PMD203 | TH Vi tích phân 2<br>N1, PMT_NĐH 4.3 |
| 08:20 - 09:10   | 2    |                                |       |                                 |                                        | TH ĐS tuyến tính<br>N2, PMT_NĐH 4.2    |                                      |
| 09:10 - 10:00   | 3    |                                |       |                                 |                                        | TH CTDL và Giải thuật<br>N2, LT-PMD203 | TH Vi tích phân 2<br>N2, PMT_NĐH 4.3 |
| 10:10 - 11:00   | 4    |                                |       |                                 |                                        | TH ĐS tuyến tính<br>N1, PMT_NĐH 4.2    |                                      |
| 11:00 - 11:50   | 5    |                                |       |                                 |                                        |                                        |                                      |
| 12:40 - 13:30   | 6    | Vật lý đại cương 1<br>cs2:E302 |       |                                 | CTDL và Giải thuật<br>80SV<br>cs2:E106 |                                        |                                      |
| 13:30 - 14:20   | 7    |                                |       |                                 |                                        |                                        |                                      |
| 14:20 - 15:10   | 8    |                                |       |                                 |                                        |                                        |                                      |
| 15:20 - 16:10   | 9    |                                |       |                                 |                                        |                                        |                                      |
| 16:10 - 17:00   | 10   |                                |       |                                 |                                        |                                        |                                      |
|                 |      |                                |       |                                 |                                        |                                        |                                      |

| MÃ HP    | TÊN HỌC PHẦN                    | SỐ TIẾT       | GIẢNG VIÊN LÝ THUYẾT | TRỢ GIẢNG | LOẠI HỌC PHẦN |             |
|----------|---------------------------------|---------------|----------------------|-----------|---------------|-------------|
| BAA00022 | Thể dục 2                       | 15 LT + 30 TH |                      |           |               | BB KTGDĐC   |
| BAA00012 | Anh văn 2                       | 30 LT + 30 TH |                      |           |               | BB KTGDĐC   |
| BAA00004 | Pháp luật đại cương             | 45 LT + 0 TH  |                      |           |               | BB KTGDĐC   |
| CHE00001 | Hóa đại cương 1                 | 30 LT + 0 TH  | (học chung CQ)       |           |               | TC KTGDĐC   |
| CHE00081 | Thực hành Hóa đại cương 1       | 0 LT + 60 TH  | (học chung CQ)       |           |               | TC KTGDĐC   |
| BIO00001 | Sinh đại cương 1                | 45 LT + 0 TH  | (học chung CQ)       |           |               | TC KTGDĐC   |
| BIO00081 | Thực tập Sinh đại cương 1       | 0 LT + 30 TH  | (học chung CQ)       |           |               | TC KTGDĐC   |
| PHY00001 | Vật lý đại cương 1 (Cơ - Nhiệt) | 45 LT + 0 TH  | (học chung CQ)       |           |               | TC KTGDĐC   |
| PHY00081 | Thực hành Vật lý đại cương      | 0 LT + 60 TH  | (học chung CQ)       |           |               | TC KTGDĐC   |
| MTH00022 | Vi tích phân 2                  | 45 LT + 30 TH |                      |           |               | BB KTGDĐC   |
| MTH00035 | Đại số tuyến tính               | 45 LT + 30 TH |                      |           |               | BB KTGDĐC   |
| CSC10004 | Cấu trúc dữ liệu và giải thuật  | 45 LT + 30 TH | Cao Xuân Nam         |           |               | Cơ sở ngành |

THỜI KHÓA BIỂU LỚP CQ2024/6  
HỌC KỲ 2, NĂM HỌC 2024 - 2025  
Thời gian học LT: từ 24/02/2025 đến 15/06/2025  
Cơ sở: Linh Trung

| Giờ BD - Giờ KT | Tiết | Thứ 2                                  | Thứ 3                      | Thứ 4                                | Thứ 5 | Thứ 6                                  | Thứ 7                          |  |
|-----------------|------|----------------------------------------|----------------------------|--------------------------------------|-------|----------------------------------------|--------------------------------|--|
|                 |      |                                        |                            |                                      |       |                                        |                                |  |
| 07:30 - 08:20   | 1    | CTDL và Giải thuật<br>75SV<br>cs2:E202 | Vi tích phân 2<br>cs2:D108 | Đại số tuyến tính<br>cs2:F308        |       | Pháp luật đại cương<br>cs2:D106        | Vật lý đại cương 1<br>cs2:F208 |  |
| 08:20 - 09:10   | 2    |                                        |                            |                                      |       |                                        |                                |  |
| 09:10 - 10:00   | 3    |                                        |                            |                                      |       |                                        |                                |  |
| 10:10 - 11:00   | 4    |                                        |                            |                                      |       |                                        |                                |  |
| 11:00 - 11:50   | 5    |                                        |                            |                                      |       |                                        |                                |  |
| 12:40 - 13:30   | 6    |                                        |                            | TH ĐS tuyến tính<br>N1, PMT_NĐH 4.5  |       | TH CTDL và Giải thuật<br>N1, LT-PMD203 |                                |  |
| 13:30 - 14:20   | 7    |                                        |                            | TH Vi tích phân 2<br>N2, PMT_NĐH 4.3 |       |                                        |                                |  |
| 14:20 - 15:10   | 8    |                                        |                            | TH ĐS tuyến tính<br>N2, PMT_NĐH 4.5  |       | TH CTDL và Giải thuật<br>N2, LT-PMD203 |                                |  |
| 15:20 - 16:10   | 9    |                                        |                            | TH Vi tích phân 2<br>N1, PMT_NĐH 4.3 |       |                                        |                                |  |
| 16:10 - 17:00   | 10   |                                        |                            |                                      |       |                                        |                                |  |
|                 |      |                                        |                            |                                      |       |                                        |                                |  |

| MÃ HP    | TÊN HỌC PHẦN                    | SỐ TIẾT       | GIẢNG VIÊN LÝ THUYẾT | TRỢ GIẢNG | LOẠI HỌC PHẦN |
|----------|---------------------------------|---------------|----------------------|-----------|---------------|
| BAA00022 | Thế dục 2                       | 15 LT + 30 TH |                      |           | BB KTGDĐC     |
| BAA00012 | Anh văn 2                       | 30 LT + 30 TH |                      |           | BB KTGDĐC     |
| BAA00004 | Pháp luật đại cương             | 45 LT + 0 TH  |                      |           | BB KTGDĐC     |
| CHE00001 | Hóa đại cương 1                 | 30 LT + 0 TH  | (học chung CQ)       |           | TC KTGDĐC     |
| CHE00081 | Thực hành Hóa đại cương 1       | 0 LT + 60 TH  | (học chung CQ)       |           | TC KTGDĐC     |
| BIO00001 | Sinh đại cương 1                | 45 LT + 0 TH  | (học chung CQ)       |           | TC KTGDĐC     |
| BIO00081 | Thực tập Sinh đại cương 1       | 0 LT + 30 TH  | (học chung CQ)       |           | TC KTGDĐC     |
| PHY00001 | Vật lý đại cương 1 (Cơ - Nhiệt) | 45 LT + 0 TH  | (học chung CQ)       |           | TC KTGDĐC     |
| PHY00081 | Thực hành Vật lý đại cương      | 0 LT + 60 TH  | (học chung CQ)       |           | TC KTGDĐC     |
| MTH00022 | Vi tích phân 2                  | 45 LT + 30 TH |                      |           | BB KTGDĐC     |
| MTH00035 | Đại số tuyến tính               | 45 LT + 30 TH |                      |           | BB KTGDĐC     |
| CSC10004 | Cấu trúc dữ liệu và giải thuật  | 45 LT + 30 TH | Nguyễn Ngọc Đức      |           | Cơ sở ngành   |

**THỜI KHÓA BIỂU LỚP CQ2024/7**  
**HỌC KỲ 2, NĂM HỌC 2024 - 2025**

**Thời gian học LT: từ 24/02/2025 đến 15/06/2025**  
***Cơ sở: Linh Trung***

| Giờ BD - Giờ KT | Tiết | Thứ 2 | Thứ 3 | Thứ 4 | Thứ 5                                | Thứ 6                             | Thứ 7 |
|-----------------|------|-------|-------|-------|--------------------------------------|-----------------------------------|-------|
| 07:30 - 08:20   | 1    |       |       |       | TH Cơ sở lập trình<br>N1, LT-PM D204 |                                   |       |
| 08:20 - 09:10   | 2    |       |       |       |                                      |                                   |       |
| 09:10 - 10:00   | 3    |       |       |       |                                      |                                   |       |
| 10:10 - 11:00   | 4    |       |       |       | TH Cơ sở lập trình<br>N2, LT-PM D204 |                                   |       |
| 11:00 - 11:50   | 5    |       |       |       |                                      |                                   |       |
| 12:40 - 13:30   | 6    |       |       |       |                                      | Cơ sở lập trình<br>SV<br>cs2:E302 |       |
| 13:30 - 14:20   | 7    |       |       |       |                                      |                                   |       |
| 14:20 - 15:10   | 8    |       |       |       |                                      |                                   |       |
| 15:20 - 16:10   | 9    |       |       |       |                                      |                                   |       |
| 16:10 - 17:00   | 10   |       |       |       |                                      |                                   |       |
|                 |      |       |       |       |                                      |                                   |       |

| MÃ HP    | TÊN HỌC PHẦN    | SỐ TIẾT       | GIẢNG VIÊN LÝ THUYẾT | TRỢ GIẢNG | LOẠI HỌC PHẦN |             |
|----------|-----------------|---------------|----------------------|-----------|---------------|-------------|
| CSC10012 | Cơ sở lập trình | 45 LT + 30 TH | Trương Toàn Thịnh    |           |               | Cơ sở ngành |